

KỶ NIỆM 117 NĂM
NGÀY SINH
ÔNG NGUYỄN VĂN VĨNH
15-6-1882 — 15-6-1999



1882 - 1936

CÁCH MẠNG ĐỔI MỚI
1906 - 1936

NGUYỄN VĂN VĨNH

1001 BÀI BÁO

"L'ANNAM NOUVEAU"
1931 - 1936 TẬP 14



NHỮNG VẤN ĐỀ ĐỜI SỐNG VẬT CHẤT
CỦA NGƯỜI ANNAM

CÁCH MẠNG ĐỔI MỚI



15 NĂM CUỐI CÙNG CỦA THẾ KỶ XX

KỶ NIỆM 63 NĂM NGÀY GIỖ ÔNG NGUYỄN VĂN VĨNH

1-5-1936 — 1-5-1999

Hôm nay là ngày giỗ lần thứ 63 của ông Nguyễn Văn Vĩnh. Chúng tôi những người cháu chắt của ông, chỉ được biết ông qua ảnh, qua gia tài sách báo vô giá mà ông đã để lại cho gia đình, cho dân tộc. Thấp một nén hương để tưởng nhớ ông, một tài trí thông minh đặc biệt, một nghị lực phi thường, từ hai bàn tay trắng ông làm nên tất cả..., những gì ông định làm. Ông mãi mãi là tấm gương sáng cho con, cháu noi theo, tiếp bước.

Đất nước, dân tộc đã nhiều đổi thay, nhưng đọc những bài báo ông viết đã 80 - 90 năm (từ 1907 - 1936), đến hôm nay vẫn còn rất hay và bổ ích.

Để tưởng nhớ ông và hiểu rõ hơn về sự nghiệp, con người ông, trong tập 14 này chúng tôi giới thiệu 13 bài báo ông viết về "Đời sống vật chất của người An Nam":

1. Bài "Thức ăn thịt của người An Nam":

Nói về sự lợi hại của thức ăn thịt đối với sức khỏe của con người.

2. Bài "Suy nghĩ về cái nhà":

Cái nhà có mối quan hệ với đời sống xã hội của con người. Chúng ta phải biết học hỏi khoa học kỹ thuật mới, đồng thời biết phát huy những kinh nghiệm tốt của ông cha đã để lại.

3. Bài "Những vấn đề đời sống vật chất của người An Nam":

Không chỉ có lao động gắn liền với vấn đề đời sống vật chất của người An Nam.

4. Bài "Những cửa cái của người An Nam"

Chỉ có bằng sức lao động, bằng sự nỗ lực học hỏi và tài trí thông minh chúng ta mới có những cửa cái đích thực.

5. Bài "Ăn đói mặc rét":

Nêu lên nguyên nhân dẫn tới sự ăn đói mặc rét của người nông dân An Nam.

6. Bài "Giấy dép":

Chỉ một câu chuyện đi giày hay đi chân đất cũng nảy sinh ra không biết bao nhiêu là chuyện. Người nông dân ta nhờ có đi đất lội bùn vầy ruộng mà có cơm ăn

áo mặc và giữ được đất nước, chống lại được mọi kẻ xâm lược cho tới ngày nay. Các nước văn minh Âu châu đang đi tìm chủ nghĩa sống theo thiên nhiên, sống khoẻ thân không mặc quần áo, không đi giày dép. Vậy chúng ta giải quyết thế nào ?

7. Bài "Kẻ trộm và kẻ cướp" :

Muốn bảo đảm an ninh xã hội tốt chúng ta phải làm cho từng thành viên trong xã hội thấm nhuần ý thức kỷ luật từ những việc nhỏ nhất.

8. Bài "Sự cực khổ của việc di dân" :

Suy nghĩ, tổ chức thế nào để người đi xây quê hương mới đỡ cực khổ nhất, đồng thời phù hợp với lợi ích của đất nước.

9. Bài "Vấn đề nước sạch ở các làng quê chúng ta" :

Nước sạch là biểu hiện sự tiến bộ văn minh của con người.

10. Bài "Chống lại tiếng động" :

Đơn giản chỉ là tiếng động, nhưng muốn huỷ bỏ chúng ta cũng phải cân nhắc lợi và hại để giải quyết.

11. Bài "Những bất bình giữa người An Nam trong kinh tế khủng hoảng" :

Cho chúng ta thấy sự bất công của những người lao động chân chính trong kinh tế khủng hoảng.

12. Bài "Cái rét" :

Cái rét ở Bắc Kỳ khác hẳn với cái rét ở châu Âu, phải làm gì để những người nghèo khổ không bị cái rét hành hạ.

13. Bài "Tiền bạc" :

Là một bài triết lý về tiền bạc, khi mà bọn tài phiệt đã tích luỹ và đầu cơ được tiền bạc, chúng sẽ gây bao nỗi khổ nhục cho nhân loại, chủ yếu là cho lao động chân tay và lao động trí óc, lao động trí óc chỉ còn cách đoàn kết nhau lại để đấu tranh.

Sau khi đọc 13 bài báo "Nước Nam mới" của ông, chúng ta càng hiểu rõ tấm lòng yêu nước thương nòi của ông.

Hà Nội ngày 1 tháng 5 năm 1999

Các cháu và cháu

ông Nguyễn Văn Vĩnh

THỨC ĂN THỊT VÀ NGƯỜI AN NAM

Những người Pháp đã đem lại cho chúng ta, những người ở các thành phố lớn có thói quen và có khả năng ngày nào cũng được ăn thịt.

Nông dân nói chung những người lao động của chúng ta, họ đã phải bỏ sức lao động chân tay có lẽ họ có lợi ích nhiều hơn trong việc thay đổi chế độ ăn uống này. Khốn nỗi thay, không phải những người lao động có thể có tiền để ăn một miếng thịt bò rán "Bíp-tết" ngon và sườn lợn rang mỡ màng. Chỉ có những trung tâm thành thị những người lao động mới có được một ít năng lượng phụ thêm, trong một bát cháo bình dân mà các bà bán cháo dong, gánh trên đôi quang gánh đựng đưa một cái bếp lưu động hứng gió giữa giờ rất hấp dẫn.

Đối với dân cư nhân dãi thuộc tầng lớp khá giả, sự lạm dụng ăn thịt nhiều dẫn tới một loạt những bệnh tật đường ruột, trước kia không ai biết đến, bây giờ những người giàu sang đã mắc bệnh, trên 50 tuổi và nhiều khi còn trẻ hơn nữa, người thì mắc bệnh tê thấp, người thì sưng khớp và tất cả những bệnh tật của người giàu, nó là hậu quả của việc không loại trừ được những cận bã của thức ăn trong cơ thể.

Những môn thể thao mạnh, có thể chữa được bệnh cho những người có cuộc sống không phải lao động chân tay. nhưng vì nguyên nhân không phải tất cả mọi người đều có thể thực hiện một cách đều đặn như mong muốn để luyện tập xen kẽ hàng nửa giờ một cách vội vàng với những giờ thể xác ngồi

không kéo dài. Còn ở những người say mê thể thao quá mức dẫn tới nở nang vượt bậc có hại cho sức khoẻ nói chung và cũng còn hại cho năng suất hữu ích của con người để trở thành lẫn thẩn mê quần vợt, mê bóng đá, tới mức không còn thiết gì tới tất cả các công việc khác, được coi như những chi tiết không có nghĩa lý gì của đời sống.

Thịt bò trên đất nước này, không có những cánh đồng cỏ tốt nên không tốt, nhất là thịt bò bán ở chợ, giá rẻ hơn ở các cửa hàng bán thịt của người Âu, thịt chợ là những con bò bị thải vì già yếu hay bệnh tật. Thịt bò màu đen, màu nâu, rai ngoách này ăn không ngon nữa. Và còn vì loại thịt đó mà chúng ta nấu nướng, hoặc là muốn nấu thành những món ăn Âu, được nấu theo những phương pháp khoa học nhiều hay ít, để làm cho món ăn có màu mè; hoặc nấu thành các món ăn An Nam, sào, nấu, nướng chả, mùi vị được làm tăng hơn lên bằng những gia vị mạnh.

Chính đây là những nguyên nhân gây ra bệnh tật : táo bón, đi lị, bệnh trĩ, sốt cao do viêm đường ruột, ông cha ta chưa bao giờ bị chết vì những bệnh đó, ông cha chúng ta chỉ có thịt lợn, đối với họ những bữa cơm đạm bạc chỉ gồm có rau, quả và một vài con cá nước ngọt, được đánh bắt trong những hồ ao, rất hiếm hoi mới có một vài con chim đánh được bằng lưới trên cánh đồng ruộng vào những ngày giáp hạt hay là những gia cầm mà người ta chăn nuôi được : gà, vịt, ngan, ngỗng, còn biết bao nhiêu thức ăn mà những người nông dân nghèo, thợ cấy, công nhân không với tới được.

Chúng tôi chưa phân tích đầy đủ về thức ăn của chúng ta. Những người ăn những thức ăn như nó được đem đến, ăn không tốt và pha chế thức ăn của mình một cách quá cầu kỳ,

nhất là trong mùa hè, giờ nóng nực ăn không còn ngon miệng nữa. Trong mùa hè người ta thích những món ăn lỏng, còn những thức ăn mặn quá không thể nuốt trôi được. Nước rau muống luộc một cách giản dị với vài quả cà muối ghém hay dấm tương đã giúp chúng ta nuốt được cơm nhưng lại làm cho dạ dày phải chịu đựng một thử thách nặng nhọc mà không nuôi dưỡng được chúng ta. Ngược lại những người giàu sang ăn rất tinh, họ ăn theo cách người Âu, họ đã tự sát bằng thuốc độc một cách đều đặn do hàng ngày nuốt vào bụng hàng loạt những thức ăn nặng quá, làm cho buổi trưa bắt buộc phải ngủ trưa để tiêu hoá không bị mệt nhọc và buổi tối phải thức khuya để được sống hưởng một ít mát mẻ, để bù lại những giờ nóng nực ban ngày. Một số còn tiến tới bắt chước những tập tục của những nước ôn đới để ăn vào buổi tối một bữa ăn nhẹ hơn. Làm như vậy là trái ngược với điều phải làm, bởi vì tiêu hoá cũng là một lao động nặng nhọc, cũng cần tránh không được làm dưới trời nóng nực, cùng một lúc với những lao động khác. Chỉ có trong thời tiết lạnh và ôn hoà thì công việc lao động bên trong cơ thể của chúng ta mới cảm thấy là về ban ngày cũng như về ban đêm và ăn uống mới thực sự là một hạnh phúc. Dưới thời tiết của chúng ta về ban ngày tiêu hoá bao giờ cũng là nặng nhọc, ngay cả về mùa đông. Để giữ được sức khoẻ tốt, chúng ta phải ăn trưa rất nhẹ và ăn bù vào bữa ăn tối nếu cơ thể của chúng ta đòi hỏi. Nhưng điều cần tránh ở trên hết là đừng ăn nhiều thịt bò quá, thịt bò ở đây thực quả là chất lượng quá tồi.

Thiên nhiên đã có tầm nhìn xa đã dành cho chúng ta một con vật ăn thịt lý tưởng, là con lợn mà ở Bắc kỳ thịt có chất lượng đặc biệt, người ta có thể tự đánh giá được, không cần có

sự can thiệp của nhân viên thú y. bất cứ một bà nội trợ nào cũng chỉ cần nhìn bên ngoài miếng giò làm bằng thịt lợn nếu thơm ngon mịn màng đủ để biết được chắc chắn là thịt tốt. Tới một mức độ làm cho các bà nội trợ của chúng ta ưa thích để làm cơm mua thịt lợn ở chợ Bạch Mai mặc dù có thể bị phạt rất nặng, và các bà không nghe các nhà chức trách của thành phố khi nói rõ ràng vì lo lắng đến sức khoẻ của chúng ta nên họ bắt buộc mọi người phải mua thịt đánh dấu, mổ ở các lò lợn. Đối với chúng ta, vệ sinh công cộng chẳng có nghĩa lý gì, chỉ có là để thu thuế, chúng ta có thể nhận ra được thịt tốt ở khắp mọi nơi, và dấu đánh trên thịt bò lợn không phải là một bảo đảm.

Những người Âu châu chê thịt lợn của chúng ta cho là thịt ôi chỉ làm được loại "giăm-bông" xấu. Chúng ta không làm giăm-bông mà chúng ta làm bếp với những món ăn ngon lành.

Xin các đọc giả hãy thứ lỗi cho tôi về câu chuyện bép núc lạc đề này. Nếu tôi phải bàn đến nó, là vì nó có tầm quan trọng trong xã hội rất lớn.

Đồng bào của chúng tôi ở các thành thị đã sai lầm khi ăn quá nhiều thịt bò và áp dụng một cách nấu bếp ăn nhiều chất quá, nó đã làm cho họ già trước tuổi và làm cho họ bị nhiễm một loạt những bệnh tật mà trước kia họ không biết đến. Điều này tôi không viết cho quần chúng nông thôn của chúng ta họ còn không có đủ gạo để ăn hàng ngày. tôi chúc cho họ luôn luôn được ăn bất cứ loại thịt nào: mà là tôi viết cho những người nhàn rỗi và cho những thanh niên của các thành thị họ không phải làm lao động chân tay.

Người ta thấy tổ tiên chúng ta là đứng đắn khi quyết định hạ sát những con vật kéo theo đùng luật lệ nghiêm khắc, trước tiên là để không làm giăm đầu trâu bò kéo cày, sau nữa là để

bảo vệ sức khoẻ của nhân dân.

Trong số báo sau tôi sẽ viết về vấn đề nhà ở, vấn đề này cũng là vấn đề quan trọng trong sự tiến hoá hiện nay của những phong tục và tập quán của chúng ta.

Nguyễn Văn Vĩnh
Báo L'Annam Nouveau
 Số 34 ngày 28/5/1931



NHỮNG NGÀY CUỐI CÙNG CỦA ÔNG VĨNH Ở BÊN LẠO

NHỮNG SUY NGHĨ VỀ CÁI NHÀ

Tiến bộ và văn minh, có một phần nào và có thể rất nhiều, phụ thuộc vào cách mà những con người ở ra sao.

Một phần lớn những phương pháp áp dụng kỹ thuật theo khoa học là ở chỗ làm thế nào cho nhiều người có thể ở được trên một mặt bằng diện tích trong trạng thái tự nhiên chỉ có thể ở được cho một phần mười, một phần trăm, hay một phần nghìn số người đó.

Sự tập trung dân số vào trong một điểm rất hạn chế, đã đặt ra những bài toán phải giải đáp được về các mặt tiếp tế lương thực, về nước, về vận tải, về giao thông, về phân công công việc, về sử dụng những lúc nhàn dỗi để tránh cho con người không bị buồn chán, cái yếu tố to lớn đó làm phát huy tài năng, về thiên tài và về làm bậy nữa.

Có phải đây là đồng bộ những vấn đề của đời sống xã hội không ?

Tất cả chúng ta, như chúng ta đang sống, khi chúng ta đi du lịch phải xa rời những nơi mà ở đó chúng ta đã có những quen thuộc thân thiết, chúng ta được hưởng những phương tiện trong những ngày tạm trú ở những nơi chúng ta đã đi qua, sống theo những tiện nghi mà chúng ta có được.

Một nơi nào tỏ ra với chúng ta là mền khách, khi nào chỉ mất một số tiền đúng mức mà chúng ta có được một chỗ tạm trú tốt, có một cái bàn tiện cho chúng ta dùng, bảo đảm an ninh cho chúng ta và cho tiền bạc của chúng ta, và có những để

dàng để vui chơi giải trí theo sở thích của chúng ta.

Như vậy chúng ta nói là đất nước này đẹp quá, văn minh quá. Ngược lại, chúng ta thấy là chúng ta đã phải giao dịch với những người man rợ ở tất cả những nơi nào mà một vài trong những thứ đó không có cho chúng ta.

Nhìn theo con mắt như vậy, nước Trung Hoa rộng lớn với muôn vàn cảnh quan và khí hậu khác nhau, có thể là một đất nước man rợ đối với những người Âu và ngược lại, Paris, Luân Đôn, New York với những nhà trọc gờ, những đại lộ lộng lẫy và không biết bao nhiêu là kỳ quan cũng có thể là một đất nước man rợ theo người Á châu. luôn suy tư, sau một chuyến đi du lịch mệt nhọc trở về, họ đã cố tìm cách viết một quyển sách kỷ niệm gọi tên là những kỷ niệm về "Cuộc đi chơi đầy mạo hiểm qua những đất nước của những người man rợ có kỹ thuật".

Đây chính là những sự trái ngược thật sự giữa hai nền văn minh Âu châu và Á châu. Nhất định là ở đây chúng tôi không đứng về phía những đầu óc hiếu kỳ mà tất cả các dân tộc đều có, họ chỉ vừa lòng với những điều trái ngược và bằng lòng cả trong những điều không vừa ý họ; và để có thể chiều được những sự hiếu kỳ tinh vi của họ, họ có thể hy sinh được tất cả và tán thành với rất nhiều châm chước tất cả những điều không phải là những thói quen của họ.

Còn đối với tất cả mọi người bình thường, sự phù hợp lý tưởng chung cho tất cả trong sự hoà hợp những thói quen của nhân loại một cách thế nào để làm cho tất cả đất đai ở được: đều mở rộng cửa đón nhận tất cả những đứa con của ông Adam hay của ông Bành Tổ, và làm cho tất cả mọi người đều cảm thấy ở đâu cũng là nhà cả.

Tôi đã thứ lỗi cho những người Pháp đã đến xâm chiếm đất nước tôi, vì rằng đã xảy ra với tôi, khi tôi ở một xóm rất cách

xa với trung tâm của Vân Nam, tôi đã muốn xâm chiếm đất nước này vì ở đó đã không tìm thấy sự mến khách như mong muốn, tuy đã phải trả tiền. Do đó tôi hiểu rằng khi những người Âu châu đầu tiên đã đổ bộ lên nước chúng tôi, họ đã tìm thấy trên đất nước tôi tất cả những tiện nghi sinh sống bằng cách phải trả tiền, người ta sẽ đến ở đấy để kiếm sống và thay đổi phong cảnh, nhưng không đem đến quân đội để xâm chiếm đất nước chúng tôi và bắt chúng tôi phải làm quen với cách sống của họ và bắt chúng tôi chấp nhận những thói quen của họ.

Họ đã thành công trong vấn đề này, vì rằng chúng tôi bây giờ cũng ăn như họ và được ở trong những ngôi nhà có đủ tiện nghi, được chống rét trong mùa đông và chống nóng trong mùa hè, không bị những người tò mò nhòm ngó vào nhà hàng ngày, tránh được bị ẩm ướt ở dưới đất trong mùa mưa phùn, có những cửa kính cửa chớp để lấy khí trời và điều chỉnh ánh sáng theo ý muốn.

Điều cũng cần phải cho mọi người biết, mặc dù là chỉ để thoả mãn sự hiếu kỳ của những người tò mò, tôi chỉ kể ra những việc hoàn toàn thứ yếu, chúng ta biết rằng tổ tiên của chúng ta đã chưa biết kính thuỷ tinh để làm cửa, đã áp dụng một số nguyên tắc về hướng của cái nhà của mình, đã giúp cho người ở bên trong nhà có gió mát từ hướng đông, hướng đông - nam, hay hướng nam thổi vào. Và không bao giờ phải chịu gió bắc rất lạnh lẽo vào mùa đông, và cũng không phải chịu những luồng khí nóng từ phía tây, nó làm khô da vào mùa hè và làm cho bị sốt vào mùa thu. Người ta đã đặt bếp ở vị trí thích hợp so với nhà ở một cách như thế nào để không bị khói đun và không bị mùi thơm của thức ăn đưa vào nhà. Hướng của cái phần nhà ngang phụ thuộc có một tầm quan trọng

không khác gì với hướng của nhà chính. Không được để cho gió bắc và gió tây thổi vào cửa bếp làm phân tán nhiệt độ cần thiết để nấu chín thức ăn. Những cây phải được giồng như thế nào để lấy bóng che cho những bức tường bị nắng nóng buổi chiều rọi vào. Cửa vào nhà phải được bố trí như thế nào để cho khách đến chơi nhà có cảm tưởng tốt khi đi vào nhà, và những người ở bên ngoài không nhìn được vào trong nhà mình.

Hậu quả thứ nhất

Bây giờ một mặt tôi gợi ý cho các đọc giả về kỹ thuật, rất khoa học của những người Âu, họ biết làm thế nào để đạt được một diện tích ở tối đa, chỉ với một chi phí tối thiểu. Và một mặt khác những sự cần thiết cho đời sống gia đình người An Nam và những quy luật về hướng nhà mà kinh nghiệm của tổ tiên chúng ta đã biết tìm ra được. Từ đó người ta có thể sáng tạo ra một kỹ thuật riêng biệt để làm nhà ở trong nước chúng ta, ở thành phố và ở nông thôn. Nó sẽ đem lại kết quả để làm ra được những nhà ở sạch sẽ và có tiện nghi, tốt cho chúng ta và tốt cho cả những người Âu châu; ở đó người ta có thể sống tốt theo cách sống của người Âu châu; họ cần có những giờ sống cách biệt một mình; và cũng tốt cho đời sống theo cách của người An Nam, người ta ưa thích sống chung có tất cả gia đình của mình, gồm cả những người đã khuất, mọi người đều ở dưới tầm con mắt của mình.

Tôi đã có dịp, trong những lúc nhàn dỗi ghi chép lại những nhận xét khác một cách chi tiết để giúp vào nghiên cứu sâu về kỹ thuật làm nhà, rất hữu ích cho đất nước này, ở đây người nào cũng ít hay nhiều là những nhà xây dựng.

Hậu quả thứ hai

Nếu con người sống trong tình trạng thiên nhiên, thì quan sát họ sống một mình và sống thành từng nóm là khá thú vị.

con người được thường xuyên nuôi dưỡng dưới những con mắt giám sát của những người cùng sống; luôn phải chịu sự giáo dục trong đó giá trị triết học còn phải được nghiên cứu. Nếu đột nhiên họ bị cô lập một cách giả tạo với những người của mình, mà thường ngày họ phải chịu sự kiểm soát bằng mắt nhìn và bằng tai nghe; thì những ý nghĩ nhiều khi rất kỳ lạ sẽ đến với họ, những ý nghĩ này có khi lại đưa họ trở lại tình trạng thiên nhiên mà họ đã bị tách khỏi ra từ lâu ngày. Nếu là con người có tài năng cao hơn thì có khi họ thoát ra khỏi thử thách tâm lý bị cô lập đó một cách có lợi. Còn đối với những người bình thường thì thử thách đó nhiều khi đem lại phải tự kiểm soát mình, mà đời sống thường xuyên trong xã hội có người kiểm soát đã thấm sâu vào họ. Điều đó đã nói lên là : sự trong sáng của những phong tục, và đạo đức xã hội của ta sẽ bị tác động mạnh làm thay đổi những thói quen của chúng ta, chỉ vì ở nhà có tiện nghi theo cách Âu châu đã đem lại.

Trong sự ở chung đưng trong một cái nhà, sự giám sát không có ý định mà chúng ta đã thực hiện lẫn cho nhau, đã tạo ra một kỷ luật chung, mà người ta đã làm quen ngay từ thuở còn nhỏ và nó là hữu ích cho đại đa số những con người. Bản thân chúng tôi rất ngạc nhiên, được thấy những người Âu châu sợ hãi sự chung đưng đó đối với việc giáo dục những con cái của họ, trong lúc đó chúng ta lại sợ, cho những con cái của chúng ta, mà có thể là chúng ta có lý hơn. Sự tách rời những con nhỏ và nhốt chúng vào trại trong những nhà lưu trú và những ký túc xá, việc đó những đồng bào giàu có của chúng ta đã bắt đầu gửi con cái họ đi học. Trong hệ thống nhà ở của chúng ta, tất cả những cử chỉ và những ý nghĩ của mỗi một đứa trẻ, mọi người khác đều biết, trong lúc đó trong những buồng đóng cửa thật kín, tất cả gia đình không ai nhìn thấy

nữa, trẻ em bao giờ cũng thử tìm cách làm những cử chỉ mà nó không bao giờ làm khi có người chứng kiến.

Hậu quả thứ ba

Nhà ở của người Âu châu không được làm cho đời sống của người An Nam. Những đồng bào của chúng ta chấp nhận nhà Tây sẽ bỏ từ từ những thói quen và những phong tục đã tạo thành hạnh phúc của đời sống trong gia đình, để theo một cách sống khác, nó là những bó buộc thật sự và làm cho họ ghê sợ phải đi du lịch đến những vùng không có khách sạn và phải đến ở với những đồng bào không có nhà tây như họ. Chính đây là một yếu điểm, để chống lại nó tất cả những người An Nam tốt đều phải biết phản đối. Nó đã vút bỏ sự hơn hẳn độc nhất còn lại của chúng ta so với những người Âu châu ở trên đất nước này, chúng ta có thể đi lại trên đất nước mình không gặp trở ngại khó khăn gì, khi phải đến nhà người khác, đó là một điều cần thiết nhất cho tất cả những người đã biết hưởng thụ tiện nghi hiện đại.

Theo tôi, con người khoẻ mạnh là người có thể ngủ yên được trên một tấm ván, ngồi trên một chiếc chiếu, nằm nghỉ trên một chiếc phản hay đơn giản ngay trên mặt đất, viết lách dưới bóng một gốc cây, không biết sợ sự phản chiếu nắng nóng ngoài giới và ăn như tất cả mọi người khác đã ăn. Họ chỉ được phép theo những thói quen của người Âu châu về sạch sẽ vệ sinh, chỉ cần quyết tâm một ít là người ta có thể áp dụng được ở tất cả mọi nơi. Thống nhất là nhân dịp này người ta phải biết hoà mình với mọi người, để làm được điều này người ta không thiếu một thứ gì.

Cho tới đây tôi có vẻ đã vút bỏ sự tiện nghi của nhà ở Âu châu, trong khi tôi đang sử dụng nó.

Ý nghĩ đó rất xa xôi đối với tôi.

Không thể phủ nhận được là người Âu châu có một kỹ thuật xây dựng nhà mà tổ tiên của chúng ta chưa biết bao giờ, chỉ với cùng một số tiền chi phí, họ đã biết cách làm ra cho mình một diện tích sử dụng lớn hơn, và một nơi trú thân vững chãi hơn, chống lại được những thời tiết xấu, những rủi ro và sự nhòm ngó của người khác.

Tôi chỉ chê trách người An Nam đã không biết cách áp dụng kỹ thuật đó vào những quan niệm về nhà ở gia đình, để đem lại lợi ích trong việc áp dụng này với những kinh nghiệm khoa học cổ truyền của người Hoa và người Nam gọi tên là "Trạch Khoa". Đúng là Trạch Khoa đưa một ít vào khoa Địa lý, một khoa học chưa thật vững, chắc chỉ dựa vào một số quan niệm về những ảnh hưởng của gió, của nước, những gập ghềnh của địa hình, tìm cách tránh cho những mặt nhà bị gió lùa vào bên trong, ảnh hưởng đến số mệnh của những người ở. Nhưng không nên vứt bỏ một vấn đề mà người ta chưa biết nó ra sao hay là vì nó chưa bao giờ được trình bày bằng một ngôn ngữ khoa học.

Nếu tôi là một nhà khoa học, tôi sẽ sẵn sàng tìm cách khám phá về vấn đề này, bởi vì trong những pho sách do những thầy địa lý vô học viết ra chỉ có nhắc lại không có hiểu biết gì về những công thức của khoa học đại số, có lẽ không còn ai biết, hay những lý luận của khoa hình học cổ xưa, hình học không gian 4 chiều hay 5 chiều, tôi cảm thấy một cách phảng phất có một vài điều ... (còn nữa)

Nguyễn Văn Vĩnh
Báo L'Annam Nouveau
 Số 35 ngày 31/5/1931

NHỮNG VẤN ĐỀ ĐỜI SỐNG VẬT CHẤT CỦA NGƯỜI AN NAM

Tất cả những dân tộc không đặt ra cho mình cùng những vấn đề giống nhau về đời sống vật chất và tư cách của họ thay đổi một cách tự nhiên theo với loại những vấn đề mà họ phải giải quyết hàng ngày.

Sự nghèo khổ của chúng ta không phải bao giờ cũng là vì thiếu thốn những thứ cần thiết. Có nghĩa là trình tự cấp thiết về những nhu cầu của chúng ta khác hẳn với cách nhìn nhận của người Âu Châu. Vấn đề ăn là thứ yếu, ngay cả đối với những người ở cấp bậc cuối cùng của xã hội, mặc dù là họ luôn luôn bị đói. Tôi tạm gác ra một bên vấn đề mặc và nhà ở, mà những người nghèo khổ cũng không đặt ra cho mình bao giờ; họ tự giải quyết những vấn đề này như họ có thể, họ tự nhủ rằng người ta không chết về những vấn đề đó. Nơi tạm trú ban đầu chỗ nào cũng có và là tốt trong gần suốt cả năm. Và những nơi tạm trú không thiếu ở trên đất nước này; đền chùa, miếu mạo: chợ mở cửa cho tất cả; cửa nhà và cổng làng, những nơi linh thiêng, và ngay cả những nhà tư nhân được xây lên để dùng làm nơi tạm trú cho những người qua lại, chứ không phải để trang trí hoặc để bảo vệ. Cuối cùng là những nhà tạm trú chính danh, do những nhà từ thiện xây lên trên những cánh đồng bát ngát để làm nơi nghỉ cho những người lao động, và ở trên dọc những đường đại lộ để giúp đỡ những người đi đường mệt nhọc

ngủ ngơi lấy lại sức khoẻ.

Trong những ngày hè nóng bức, người nghèo như vậy lại có lợi hơn hẳn so sánh với người giàu. họ bắt buộc phải ngủ ở trong nhà mình, ngọt ngào trong những quần áo và ở bên trong những hàng rào kín cổng. Còn người nghèo họ được lựa chọn chỗ ngủ mát mẻ ở ngoài giữa trời.

Còn về quần áo,, một mớ rẻ rách làm khổ che thân như thế là đủ rồi. Còn cái ăn chỉ thiếu cho những người thật sự lười. Ngay những thằng cu bé tí ti, được trang bị bằng một dụng cụ thô sơ, cũng có thể kiếm được ở trong vũng nước đầu tiên, những đầm ao dọc theo đường đại lộ, ngay cả trong nước bùn của ruộng lúa, những con vật bé nhỏ : con tôm con tép, con cóc con ếch, bất cứ con gì cũng là thức ăn nuôi sống người bỏ bèo, lại còn có thể bán đi lấy năm xu hay một hào. Điều đó chỉ cần một giờ lao động nó cũng còn là một cách giải trí. Trong so sánh này người nghèo cũng lại có lợi hơn so với người giàu, nhất là so với những người giàu giả hiệu, họ không thể làm tất cả mọi việc và đành phải nhịn đói còn hơn là phải lười xuống sông với một cái lưới.

"Đốt đi cày đi cuốc"

Người đã được xếp vào loại những người biết đọc biết viết, từ chối các công việc lao động chân tay ấy.

"Mò cua bắt ốc"

Mò cua bắt ốc trong những vũng bùn lầy. Chỉ để dành riêng cho những người đàn ông, đàn bà khốn khổ, không còn sắc đẹp và không có khả năng làm các công việc khác sang trọng hơn. Tuy vậy tôi lại quý trọng và ghen tỵ với những người đàn ông đàn bà tốt bụng đó. họ không cần một người nào cả.

Họ lao động không oán trách ai, và không phải cố gắng

đến đau khổ. Tôi thường tự nói với mình là đời sống sẽ trở nên lý tưởng hơn nếu tất cả mọi người trên thế giới này đều sống bằng hai bàn tay của mình, ở trên đất nước này thiên nhiên đã hào phóng, đã miễn cho chúng ta không cần phải tính đến những điều tối cần thiết. Và để dọa cho những đứa con lười biếng của tôi, không chịu học bài phải sợ, tôi nói với chúng : "Mày sẽ phải đi cày ruộng, mày sẽ phải đi cuốc vườn" thật là một mâu thuẫn là thường !

Và theo với đà của tiến hoá tiến lên, lại có ít người muốn sống bằng sức lao động của hai bàn tay mình. Những con người có phần nào trở nên giàu có là nhờ có chuyên môn hoá những công việc của mình, những công việc này ngày càng chuyên môn hoá đã dẫn tới những hạn chế do thiếu nơi tiêu thụ. Từ đó sinh ra thất nghiệp, nghèo khổ, vì rằng con người tưởng rằng mình giàu có lên là nhờ công việc lao động chuyên môn hoá, không muốn và cũng không thể tự hạ mình để làm những công việc sơ đẳng nhất để trực tiếp bảo đảm sự sinh sống của mình. Đến một ngày con người tự thấy ra được sai lầm của mình và họ lại mong muốn trở về cuộc sống đơn giản của người mò cua bắt ốc, nó sẽ là chậm quá rồi, đến ngày đó, với sự tiến bộ của tổ chức, sông ngòi, hồ ao sẽ trở thành của riêng của một người nào, và muốn câu cá, bắt cua, sẽ phải trả tiền thuê hay tiền thuê, lớn hơn những phương tiện có được của một người nghèo. Bắt đầu từ đó, cử chỉ đơn giản nhất của con người đi kiếm thức ăn để nuôi thân mình sẽ trở thành một nền công nghiệp có tổ chức. đòi hỏi phải có vốn và phải có một sự khai thác có phương pháp, mà không phải bất cứ người nào cũng có thể kinh doanh được.

Xin các bạn đọc hãy yên tâm. tôi không phải là đột nhiên

mắc phải một cơn mê thiên nhiên, và tôi cũng sẽ không truyền bá đòi hỏi tất cả trở lại đời sống đơn giản của người nông dân nghèo khổ, họ sống bằng bất cứ cái gì và họ làm bất cứ việc nào. Những luật lệ tiến hoá chỉ đạo sự biến đổi của những xã hội loài người là quy luật rất khắt khe, người ta không thể nào cưỡng lại sự thực hiện của nó. Sự hào nhoáng của những chủng tộc văn minh đã tạo ra những kết quả sáng chói lạ thường, nó ve vãn lòng tự hào của những con người làm cho tất cả các dân tộc đều làm theo những công thức đã làm nên những kỳ diệu thấy rất rõ mà những người thô thiển nhất cũng không thể nào không thiết lập những quan hệ đi từ nguyên nhân đến hậu quả, và phải nói lên là đời sống văn minh rất xứng đáng được sống, ngay cả với những thất vọng và những đau khổ mà nó mang đến, vì rằng chỉ có mình nó tạo ra những hồi hộp của một sự biến hoá tới cùng và tạo ra được một cuộc sống đầy đủ, mặc dù là trong thực tế bị rút ngắn lại.

Sự quay trở lại thiên nhiên thành một phản ứng đơn giản của những tinh thần thấp kém hay là những thất bại trong đời sống tích cực, hay ít ra cũng là một người không xu thời, hay một người gàn dở. Nhưng ở một đất nước như đất nước chúng ta hiện nay đang qua một cơn khủng hoảng về biến đổi sâu sắc với tôi tựa như có một việc gì xảy ra ở giữa sự nao nức chung về hình thức mới của cuộc sống, người ta nhận thấy tính chất giả tạo của một vài việc làm mà chúng ta có ý để thay thế cho các công việc sinh sản của ruộng đất, thay thế cho các công việc đơn giản và nuôi sống những người nông dân bình thường, những công việc đem lại trực tiếp cho họ những thứ để sinh sống, và cũng bảo đảm gián tiếp cho những người khác, còn chúng ta, những người ở thành thị, có một sự dôi dào

tương đối về những nông phẩm cần thiết vào bậc nhất.

Cần phải đổi thay những công việc làm của nhân dân. Đồng ý, nhưng tất cả những công việc làm mới phải giải đáp được những nhu cầu cụ thể của đông đảo quần chúng tiêu thụ, nếu không sẽ lại tạo ra sản xuất thừa và nạn thất nghiệp, có nghĩa là những người nghèo khổ. Khốn thay ! tiền trả công cho những công việc vô ích, cao hơn hẳn rất nhiều vào lúc đầu, nó lôi kéo những con người và rút họ ra khỏi những công việc đồng áng, để về sau biến thành một sự cạnh tranh độc ác giữa họ với nhau, ngay từ khi họ làm ra những sản phẩm dư thừa.

Một số người lên án nền giáo dục rộng rãi quá, người ta cho là giáo dục có một khả năng giải phóng, có thể là quá mức. Đối với tôi, giáo dục phải coi như một sự chuẩn bị cho một việc đi làm công, chứ không phải đem lại cho đông đảo quần chúng tự do và làm cho họ mong muốn được tự do, trói chặt họ nhiều hơn nữa vào sự bó buộc vĩnh cửu vào trong cuộc đi tìm những địa vị được gọi là tự do.

Phải giáo dục nhân dân. Cũng đồng ý. Nhưng giáo dục như thế nào để không tạo ra con người có học, hay con người tự cho mình là có những quyền được ưu đãi, và có những nguyện vọng không phải làm gì nữa, có những hy vọng được miễn giảm không phải có những cố gắng bình thường và thiết yếu như tất cả mọi người để tự kiếm ra cái ăn để nuôi thân, tự kiếm ra quần áo mặc và nhà ở ? Chính đây là nguyên lý cơ bản của nền giáo dục nhân dân. Tất cả hệ thống giáo dục công, không theo những nguyên lý đó là điều không tốt và đều dẫn tới làm rối loạn xã hội.

II

Chúng ta đã nói là nghèo khổ, ở đâu cũng thể hiện ra dưới hình thức bị thiếu thốn ba điều tối cần thiết : thức ăn, quần áo và nhà ở. Ở trên đất nước này còn có những hình thức khác, thể hiện ra còn cay đắng hơn là thiếu thốn những thứ cần thiết đó.

Là ở chỗ nhân dân có một nền văn hoá tinh thần mà ở các nơi khác trên quả đất này không biết đến và nền văn hoá tinh thần này được phổ biến rộng rãi, người cu li kéo xe thạp hèn nhất đổ mồ hôi và dốc hơi thở giữa hai càng xe kéo, cũng có những việc phải lo thuộc về mặt tình cảm, nó làm cho họ đẩy lùi vào hàng thứ yếu những vấn đề nhỏ như đói bụng và rét run, những vấn đề này tuy rằng nhiều khi được đặt ra cấp bách. Và đối với họ sự khổ sở không phải là một ngày thua lỗ, không có gì ăn, không có cái quần đùi rách mướp mà mặc. Mà là không có một người vợ để nhanh chóng cho anh ta một đứa con thừa kế, mà là phải bóc lột tổ tiên, đang đe dọa bị cuốn lên vì nhát cuộc của một anh phu làm đường, hay là những rễ cây của cây đa ở bên cạnh mộ xâm nhập vào; mà là người mẹ già sắp chết và không có cách nào giết một con lợn để cho cả làng ăn; mà là ông bố thọ 60 tuổi vào đầu sang năm không có cách nào để trả nợ miệng; mà là trách nhiệm của anh phải tham dự đám rước hội làng vào mùa thu, không có lấy một thất lưng diều và một áo dài; mà là không có tiền mua pháo cho các trẻ em; mà là không biết bao nhiêu việc nữa đối với người Âu có thói quen coi những nhu cầu vật chất theo trình tự khẩn cấp, họ coi những việc đó như một việc vặt trẻ con. Đối với những người muốn hiểu sâu tâm hồn người An Nam, tất cả những

việc vô nghĩa đó được giải thích và không lấy gì làm lạ lại là những việc thật cần.

Nó làm cho cuộc sống nông thôn trở nên vui thú mặc dù không có chiếu bóng và không có hàng quán. Nó làm cho chịu đựng được không đáng cay những vấn đề vật chất nhỏ nhoi, vì vậy và cách giải quyết chỉ còn gặp những khó khăn về mặt tâm lý và về mặt tình cảm. Bởi vì con người cho là tự hạ thấp xuống khi phải làm công việc như vậy, hay trong hoàn cảnh như vậy. Và thật đẹp đẽ được thấy những cách giữ ý như vậy ở những con người lúc cái ăn phải được đặt lên trên tất cả. Với một dân tộc như vậy, nhiệm vụ của những người cai trị có thể giảm xuống tới một mức độ giản đơn nhất. Khi người ta biết chiều cố những nhu cầu của quần chúng và giải quyết cho họ theo một mức độ hợp lý, người ta sẽ tránh được làm hạ thấp những con người xuống một số những cần thiết làm mất phẩm giá; đây một số lớn những con người đến phải rụt rè làm cho họ không có khả năng đạo đức để làm các công việc tạo ra sức mạnh và giàu có cho đất nước.

Tôi chấp nhận đến một mức độ nhất định khi tổ tiên của chúng ta đã chính thức biến chế độ công chức có một phần là đĩa bơ béo bở, đáng lẽ phải coi nó như một tổ chức để đáp ứng cho những nhu cầu thực tế giống như của những người Âu Châu. Những chỗ làm việc được coi như những chỗ có mầu, được phân bổ cho những người có công ở trong giới hạn của những khả năng tài chính và cho những công trạng thật sự đáng được vinh dự hay được khen thưởng. Trong lúc đó với những lý do cần thiết, bao giờ người ta cũng tìm thấy có người được chiếu cố, nó là nhân đạo và mãi mãi là như vậy.

Vì rằng phải có một thiểu số những người được ưu đãi sống nhờ trên sức lao động thực tế của quần chúng, miễn sao không phải là thiểu số những người trí thức, những người có tài và những người có đức, có khả năng sử dụng những lúc nhàn dỗi của mình đến cùng cho lợi ích của chung ? Và trong một xã hội được tổ chức tốt thì không có một trí thức nào, không có một tài năng thực sự nào, không có một đạo đức nào mà còn phải giải quyết những vấn đề về đời sống vật chất.

Vì vậy mà, sự phê bình nghiêm khắc nhất phải được dành cho những tổ chức của người Âu, vì họ đã để cho những chân giá trị phải đương đầu với những khó khăn vật chất của đời sống, và dồn họ vào sự cần thiết phải tranh dành cuộc sống của mình với người tầm thường, tức là bắt họ phải vào cuộc đấu tranh, trong đó tất cả phần thắng nhất định thuộc về những tính toán thấp hèn và của lòng kiên trì của những người bất tài. Chiến thắng của những người trí thức trong cuộc đấu tranh thấp kém này là không thể có được.

Bên cạnh những đạo lý về công bằng và bình đẳng theo lẽ thường tình đó, ông Mạnh Tử trở nên sâu sắc biết bao nhiêu, ông đã khuyên những hoàng tử, bảo đảm một cách mặc nhiên sự đầy đủ cho tất cả những trí thức và cho tất cả những đạo đức ! Nói cho cùng, sự ưu đãi đó được dành cho những giá trị thực tế, chỉ là một cách trả thêm tiền đặc cách, dành cho một công việc lao động cũng là đặc cách. Tất cả những giá trị không phải là đều được huy động cùng một cách giống nhau, không thể nào so sánh với nhau được. Vì rằng cái gốc của tổ chức Âu châu, là chuyển tất cả những hiệu quả thành những số liệu để đánh giá theo toán học nó làm cho sai lệch hoàn toàn với thực tế.

Tôi đã bị dẫn tới phải làm những nhận xét một phần nào triết lý để phân tích những điều kiện của đời sống vật chất đè nặng lên chúng tôi từ mấy năm gần đây.

Một sự nghèo khó đến với tôi chưa phải là thiếu thốn về những cần thiết cho những người bản xứ có giá trị riêng biệt và sự dư thừa được bảo đảm cho những người được ưu đãi nhờ may rủi, hay cho những người tầm thường không có tài năng nào khác nhờ biết cách điều khiển hay tích lũy đồng tiền và những giá trị sử dụng. Những lợi ích của nền văn minh khoa học chỉ ưu tiên dành cho những người không có một công lao gì.

Trong quần chúng, những nhu cầu mới và những việc làm mới đã lấy mất cánh tay của ruộng đất và của các công việc đã trực tiếp nuôi sống con người, đã làm cho đời sống mỗi ngày một đất đỏ thêm. Do sự mất cân đối trong việc trao đổi giữa những người thủ công tiêu thụ những sản phẩm của nông nghiệp và của thủy sản, và những người nông dân sản xuất ra những sản phẩm tối cần thiết.

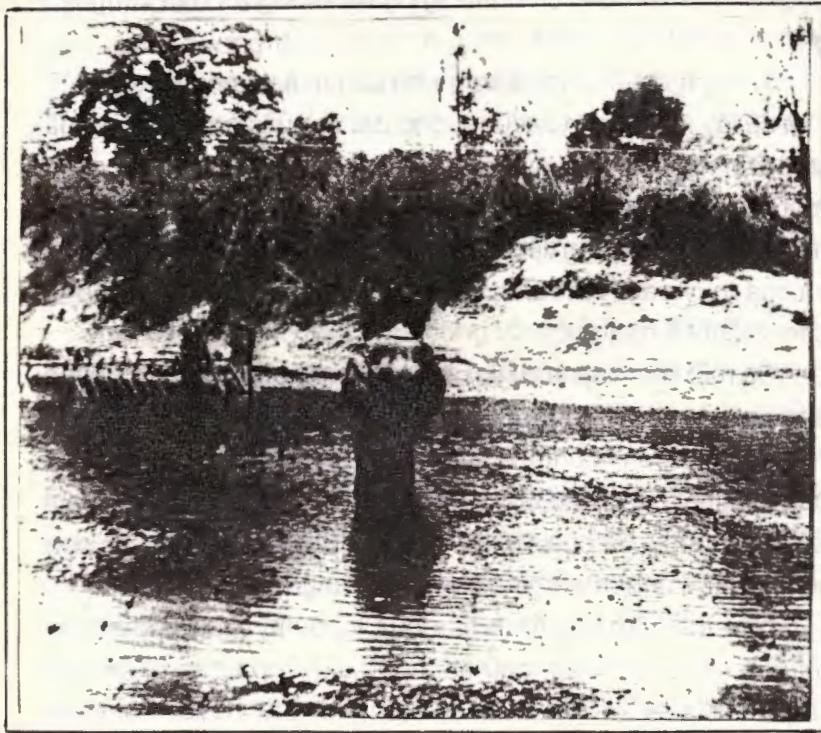
Có một chính sách chiếu cố tới những mong muốn và những ước vọng của nhân dân và những trí thức ưu tú. Thế là tốt. Nhưng tôi muốn là chính sách còn chú ý tới tất cả những nhu cầu vật chất cũng như tất cả những nhu cầu giả tạo nó đã đem lại sự nghèo khổ của tất cả những tầng lớp bị tách ra khỏi ruộng đất và những đầm ao của các làng quê.

Nếu tôi, hôm nay trình bày quá tôi ở đây, chắc chắn là vì lỗi của người viết văn, chứ không phải lỗi của các sự việc, ở đây có một sự xấu xa sâu sắc cần phải được nghiên cứu với một cách cẩn thận hơn so với cuộc sống nghèo khổ vật chất và nó đòi hỏi những cách sửa chữa rất khẩn cấp, nếu người ta

không muốn khuyến khích sự đột nhập vào trong đồng bào của chúng ta những lý luận nổi dậy và hận thù.

Tôi sẽ cố gắng trở lại vấn đề này một lần khác để giải thích được rõ hơn tình trạng này, mà thực tế đã thấm sâu vào tôi, nhưng ngòi bút của tôi không viết ra được như tôi đã mong muốn.

Nguyễn Văn Vĩnh
Báo L'Annam Nouveau
 số 133 ngày 8/5/1932



NHỮNG NGÀY CUỐI CÙNG CỦA ÔNG VĨNH Ở BÊN LÀO
 VỘI QUA SÔNG NAM-KÔK

NHỮNG CỦA CẢI CỦA NGƯỜI AN NAM

Nó thường là hiếm có !

Và chính đây là một khuyết điểm của bộ áo giáp bảo vệ đất nước, bởi vì điều làm nên sức mạnh và sự vững chãi của một chế độ, chính là phải có một tầng lớp có của cải và có quyền lợi để giữ vững nó và họ sẽ phải gặp nguy cơ lớn nếu có sự thay đổi dù nhỏ nhất.

Do chúng ta có thể đếm được trên đầu ngón tay những người An Nam có một vài thứ gì để có thể bị mất mát trong một vụ đảo lộn có thể xảy ra. Số người còn lại chỉ sống cho qua ngày, luôn luôn vội vàng để được hưởng những lợi nhuận mà sự chiếm hữu được tiền bạc nhất thời có thể đem lại. Người ta thường thấy những người buôn bán, những nhà thầu khoán, những người làm khoán áp dụng một cách vội vàng một cuộc sống trưỡng giả của người giàu, ngay lập tức sau khi gặp may vớ bở, trước cả khi hoàn tất công việc và không có gì được bảo đảm là vận may sẽ tiếp tục mãi. Ngay cả đến những người viên chức nhỏ họ cũng vội vàng hưởng trước sự giàu có chưa thật sự được bảo đảm. Điều đầu tiên một viên quan huyện tập sự, một ông tham mới tốt nghiệp trường cao đẳng trước cả khi có nghị định bổ nhiệm đã được ký là đi đến nhà ga-ra lựa chọn để mua một chiếc xe ô tô đẹp nhất. Người ta đi vay mượn để ký quỹ số tiền đầu tiên. Lương hàng tháng sẽ đóng góp tiền trả theo định kỳ. Mặc kệ tiếp theo sau sẽ ra sao ? Có thể còn có biết bao nhiêu khả năng sẽ gặp. cũng như còn có biết bao

nhiều nguy cơ, có thể rất nhanh chóng mất địa vị đã đạt được. Do đó mà phải hưởng thụ ngay khi còn có chức, để có thể ít ra về sau này cũng có thể nói được là ta đã được hưởng địa vị đó.

Cái cuộc sống không có ngày mai, là cuộc sống chung của tất cả người buôn bán, người làm ruộng, người công chức, sống khác thế thì thật là hiếm hoi. Và những người đặc biệt này không phải là những điển hình trong địa vị và trong kinh tế, mà là những trường hợp trái ngược hẳn lại. Số biến lộn quá đáng, sự say mê đồng tiền chỉ cho riêng mình, yêu quý những của cải vàng bạc và những tờ giấy bạc mới để đem chôn cất và giấu giếm kỹ càng, sau khi đã chiếm đoạt được của những người khác, hoặc là bằng hối lộ hay bằng cướp đoạt, bóc lột không thương tiếc những khó khăn đang gặp và những đau khổ của những người khác, ham muốn làm giàu một cách vô độ ham mê tích lũy đồng tiền không muốn để làm gì, không phải để cho mình, và cũng chẳng phải để cho ai và cũng chẳng biết để làm gì nữa. Một triết học độc ác nó khinh miệt sức lao động của những người khác, theo sáng kiến của họ, với một nụ cười châm biếm của người giàu ăn không ngồi đợi, họ đã chiến thắng những hoạt động mất công toi và những trí thông minh vô ích; tự cho mình là một ông lớn đã biết tính toán đúng, khinh rẻ những người nghèo không biết gì, mà bất cứ một hành động nào cũng đều là lỗ bịch, so sánh với sự tính toán đơn giản của họ, vũng vàng và không bao giờ sai lầm.

Điều thiếu đạo đức trong của cải, là ở chỗ nói chung nó là thành quả của những người không biết hổ thẹn và không có đầu óc thông minh.

Con người chân thật, người trí thức thành đạt có của cải, hay là chỉ gần như giàu có, là một điều không thể chấp nhận

được của những người say mê tiền ! Ngay cả những người giàu giả tạo cũng nhìn một cách hậm hực những người có học đã có đáng điều của một người buôn bán, của một nhà công nghiệp, của một người kinh doanh, người ta tự hỏi họ làm thế nào và từ bao giờ, mà đã có thể trở thành một người có danh giá trong giới những người kinh doanh mà không phải bóp cổ chết ai cả? Theo luật lệ của những ông lớn này thì người giàu có phải là một người ít ra cũng phải có một lần lừa đảo được một người nào đấy. Phương pháp cổ điển để làm giàu là : ví dụ như nhận thầu chịu lỗ vốn một công trường san đất lớn, việc đó phải dùng đến một vài nghìn những người nông dân nghèo khổ làm khoán. Người ta để mặc cho họ làm việc trong độ 10 ngày hay 15 ngày và đến lúc thanh toán tiền công, ông chủ bỏ đi nơi khác để mặc cho một hoặc hai người cai, được trả công cao để làm công việc này, tự xoay sở với bọn dân ngu này. Nếu có 3000 người cu li, mỗi người làm được từ ba đến bốn đồng khối lượng, điều đó dẫn tới có lãi 10.000đ. Việc làm như vậy được nhắc đi nhắc lại hai hoặc ba lần, ở nhiều tỉnh cách xa nhau, sẽ đem lại cho ông chủ thầu một cái vốn từ ba mươi đến bốn mươi nghìn đồng, vốn đó sẽ giúp ông chủ kiếm được ngần ấy nữa ở trên đất nước này mà đồng tiền là rất hiếm hoi sẽ đem lại lợi nhuận to.

Những người giàu có này hợp lại với nhau thành một thế giới riêng, ở đó trí thông minh hay người chân thật chỉ là một thằng bỏ đi, một thằng phá đám không thể chấp nhận được, vì rằng nó chỉ làm cản trở những sự vô lương tâm của họ, hay là nó không chịu chấp nhận địa vị bề trên của họ. Còn xa chúng nó mới thấy được vinh dự được cùng làm việc với những người này, chúng chỉ muốn giao cho họ một vai trò cố vấn hay là thư

ký, nếu không được trả lương béo bở, thì ít ra cũng được chăm sóc tốt, đối với họ bọn chúng không tiếc những bữa ăn thịnh soạn, không tiếc những cuộc đi chơi bằng ô tô, không tiếc những tối đi hát cô đầu. Nhiều khi chúng còn nhét vào túi họ một phần lớn tiền được bạc. Người thư ký - cố vấn có khi lại trở thành một người kinh doanh, với những nguồn tiền tài trợ của những ông chủ cũ nhưng với điều kiện họ chấp nhận kiểu sống của họ và không quá tự cao về sự thông minh của mình cũng như về học vấn của mình và chủ yếu là không có thái độ một người chân thật. Anh chỉ được phép thiếu can đảm cùng nhất trong việc chi trả tiền anh ta nợ.

Những tên cướp này còn đối xử với những người làm việc chân thật như một người cấp trên đã biết tự ngừng lại đúng lúc. Chúng nó không bao giờ vơ vét quá hai hay ba công trường. Giống như những đứa buôn lậu thuốc phiện, chúng tự rút lui ngay sau khi đã vơ vét được của cải, sử dụng của cải không như những người cho vay lãi, để cho đồng vốn của mình làm việc; nhưng chỉ hưởng thụ một cách đơn giản theo cách nhỏ giọt điều chỉnh một cách rất cẩn thận dòng chảy của ống giữ tiền hay là có nhiều những ống tiền, giấu thật kỹ trong nhiều xó khác nhau, để đề phòng tất cả những bất trắc có thể xảy ra, giống như một cái cung có nhiều dây. Một vài khi bọn chúng cũng đồng ý làm việc thiện, nhưng cách làm của bọn chúng không phải là để giúp đỡ một người nào hay một việc nào, mà là chỉ để có danh tiếng là người làm phúc và bảo đảm cho mình một góc của thiên đàng. Xây cầu và làm nhà công cộng, xây chùa, đúc chuông hay tô tượng Phật (làm cầu, làm quán, tô tượng, đúc chuông - đây chính là bốn hình thức làm việc thiện theo như ca dao dân gian). Chính là vì vinh dự làm cho

tên của mình được khắc lên những vật linh thiêng của quần chúng. Tôi đã được thấy những người giàu có từ chối tham gia vào việc khai trương một trường học, vào việc xây dựng một nhà hộ sinh, vào việc công ích nhưng lại cúng vào việc xây dựng chùa 50.000đ.

Nhưng làm những việc đó còn có thể tha thứ được vì đã làm một công việc nào đó. Phần lớn bọn này tán thành việc mua chiếm ruộng đất, lợi dụng sự nghèo khổ của nhân dân và sống bằng thu tô trong nhiều năm kéo dài, cùng với những vợ lẽ và nàng hầu đông đảo, hoặc là nằm xó ở nhà không làm một việc nào khác là uống rượu và hút thuốc phiện, cắt đứt tất cả giao thiệp vì sợ gặp phải những bọn lừa đảo.

Thuốc phiện đối với họ là một khám phá.

Không muốn, nhưng chúng ta đã dúng tay vào một vết thương lớn, trong việc giải thích một số những của cải của người An Nam.

Rất tiếc là phần đông những bọn giàu có mà chúng ta nói đến, không đọc được tiếng Pháp, trong khi chúng ta khơi ra một cuộc tranh luận rất hay. Về phía chúng ta sẽ là bất công nếu tiếp tục nói về bọn chúng, chúng ta biết rằng họ bất lực trong việc giả lời chúng ta, không còn cách nào khác là thuê người đánh chúng ta bằng gậy ở một góc phố nào đó, chúng ta tự ghi nhận lại những điều chúng ta đã nói về họ. Nhưng có một vài người đã đọc được bài báo của chúng ta, rất muốn lớn tiếng cãi chỉnh lại một vài điểm. Và họ đã làm vinh dự cho chúng ta, chính là vì họ là những người trí thức, một vài trí thức rất hiếm hoi, được chấp nhận một cách đặc cách vào giới kinh doanh, được dành riêng cho những người vô học. Không ngần ngại gì, họ đã có một nhận xét sôi nổi là những người viết và

nói theo tiếng Pháp thường là bị gạt bỏ trong những công việc kinh doanh lớn đã làm cho những người An Nam kiếm được một ít tiền.

Tại làm sao ?

Vì rằng họ là những phương tiện để bỏ đi mà những người thô lỗ có thể sử dụng một cách vô tội vạ nói tiếng Pháp bằng tiếng tây bồi đại loại như sau :

- "Mousieur, moi pas connaitre qu'est-ce que Monsieur vonuloir. Moi danner cela Monsieur".

Nói thế rồi đặt một số phong bì đầy cộm và sờ tay vào tạo ra một tiếng sột soạt đặc trưng của những thứ gì ở bên trong. Nếu phong bì đặt đấy mà được chấp nhận bằng một cách nào đó là được rồi, có nghĩa là tất cả sẽ đi lọt tốt đẹp, và có nghĩa là giá cả đấu thầu là quá mức nhưng sẽ vẫn còn để lại lợi nhuận rộng rãi. Nếu nó bị loại bỏ thì người ta thoát không bị coi như một đứa khốn nạn, ngu ngốc, ăn cắp, kẻ cướp, và đủ các tật xấu khác nữa. Và như vậy người chỉ còn là một đứa khốn nạn và giải thích việc đó như người ta có thể, để không bị giải đi với hai cổ tay trong gông chữ 8, đến công tố uỷ viên của nước Cộng hoà. Nhưng điều này chỉ là một nguy hiểm phảng phất. Tiền bạc dút lót theo cách này ngu xuẩn nhưng thông minh, thường thường là được chấp nhận, và không cần thiết gì nào phải kèm theo một bức thư viết đúng văn phạm của Viện hàn lâm để làm cho đối phương hiểu được, để trả lại mình điều mình muốn đạt được.

Như vậy thì ! Món tiền mà người ta chấp nhận không phải lo sợ gì vì là của một người cai cu li nói tiếng tây bồi, người này có đứa con đi theo để làm thông ngôn, người ta không thể nào nhận tiền hối lộ của một ông tử tế nói thông thạo tiếng Pháp. Vì

rằng một ngôn ngữ đẹp đẽ là rất ghê gớm với ý nghĩa là mọi việc đều được gọi bằng đích danh của nó. Và người ta giả định là người biết nói giỏi tiếng Pháp bao giờ cũng có khả năng nghĩ theo người Pháp. Tư tưởng của họ làm cho ta khó chịu hay làm cho ta bị hạ thấp xuống. Nó làm mất uy tín của ta.

Đấy chúng ta giải thích như thế, sự bất lực của một người trí thức hay đơn giản chỉ một người An Nam nói giỏi tiếng Pháp, để giành được một chỗ đứng trong những việc kinh doanh đứng đắn, trong những công việc đấu thầu lớn của nhà nước - giải thích như vậy có đúng không ?

Chúng ta hãy để cho những thủ trưởng lớn đánh giá sự phát hiện này của chúng ta. Chính phủ phải nhanh chóng ổn định lại trật tự, nếu nó không muốn bị chê trách một cách đúng mức mà chúng tôi đã nêu lên là nó đã tạo ra trên đất nước này một tầng lớp trưởng giả để khai thác một cách thấp hèn, không có khả năng để tạo thành một xã hội vững chắc để có thể đóng góp sự giàu có của nó vào những tiến bộ đạo đức, thông minh và mỹ thuật của đất nước An Nam.

Những người buôn bán, những người làm công nghiệp, những nhà thầu khoán đều là những người hợp tác vào sự nghiệp khai hoá của nước Pháp ở trên đất nước này, cũng giống như những người viên chức, những người thầy kiện, những người kỹ thuật viên; nó phải được lựa chọn trong số những người xứng đáng nhất, bởi sự thông minh của họ và trình độ trí thức của họ, chứ không phải ưu tiên lựa chọn trong số những người mà có mặt không làm cho họ khó chịu và với những người này, những người viên chức vô liêm sỉ có thể muốn làm gì thì làm.

Ngu xuẩn là một lực lượng lớn, bởi vì nó cho phép người ta

tiếp nhận tất cả những lời chửi rủa với nụ cười trên môi, kể cả những cái tát vào mặt và những cú đá vào đít. Lúc nào cũng tự tỏ ra thông minh lạ thường và biết lật mặt đều cáng khi cần thiết. Chính những người này, đã làm vừa lòng một số thủ trưởng, họ muốn làm việc với những thầu khoán và người bán hàng cái kiểu này. Vì dễ nắm ở trong tay hơn. Và không muốn làm với những người có trí thức ! Họ chỉ nói giỏi chứ không làm được gì.

Sự ngu xuẩn trở thành một đạo lý trong giáo dục những đứa con nhỏ của những người kinh doanh, rất khôn ngoan để có thể kế tục nghề nghiệp của ông cha. Bởi vì phần đông chỉ biết thừa hưởng sự giàu có của người cha để có thể học đến tú tài hay cao hơn nữa và có nguyện vọng làm một vài nghề tự do để lấy danh tiếng cho gia đình. Bản thân tôi cũng đã có lần được những ông bạn trong giới kinh doanh đó khuyên như thế nào ? Tôi cố gắng làm việc với sức lao động, trí thông minh và chứng minh cho họ thấy là những người An Nam có thể là những người thương gia, công nghiệp gia, tài chính gia giống như những người Pháp, khi nào họ muốn. Có lẽ là cho đến tận lúc này tôi chỉ chứng minh được sự ngu xuẩn của tôi. Bởi vì ngay cả trong những năm mà tôi đã thành đạt và thịnh vượng nhất, các đồng bào của tôi cũng thấy là cách sống của tôi sôi động quá, đầy những lo âu, để có thể cho họ noi theo được. Và họ bỏ cách làm của tôi và lựa chọn làm theo cách của họ, kiếm được nhiều tiền hơn mà không phải ngồi đóng đinh trên bàn giấy, không phải hàng ngày nhận một số công văn đến khổng lồ, phải mở ra xem lại, còn phải trả lời nữa chứ; không phải bận rộn lo việc kỹ thuật và tổ chức, ngân sách và tài chính, kế toán; dự tính trước biết bao nhiêu là việc, mà những người An Nam

cho là đặc biệt ngu xuẩn bởi vì rằng nó chiếm hết thời gian và không còn lúc nào nghỉ ngơi, nhàn rỗi, rất cần thiết để hưởng những đồng tiền đã kiếm ra được, và chủ yếu là nó không bảo đảm cho mình tránh được những sai lầm và thất bại.

Xin các đọc giả đừng vội cho là tôi đang tự thú là thua cuộc và thất bại. Tôi không thua và cũng chẳng bại, và tôi tự tin vào sức lao động của mình và tin vào sự hơn hẳn về trí thông minh so với bọn ngu xuẩn. Tôi đã dành một phần lớn cuộc đời của mình để làm cuộc biểu diễn lớn lao này, mà tôi đã dự tính trước tất cả những thành công cũng như tất cả những thất bại, tự giải thích cho mình những thành công và những thất bại với một tấm lòng say mê một cách vô tư, như tôi đã giải thích những ván bài tổ tôm mà tôi đã được hay thua vì đã đánh ra một con bài này chứ không đánh ra con bài khác. Tính toán được thua sau một buổi tối đánh bài không quan trọng đối với tôi - chỉ có những lúc chủ động làm thay đổi bất ngờ hay tính toán được một nước hay, đem lại cho tôi một sự vui thú thần tiên, làm cho tôi cảm thấy lúc nào cũng phải đấu tranh mà vẫn đứng bên ngoài một ít của cuộc đấu tranh.

Nguyễn Văn Vĩnh

Báo L'Annam Nouveau

Số 134 và 136 ngày 11 và 18/5/1932

ĂN ĐÓI MẶC RÉT

Năm vừa qua cũng vào thời gian này, chúng tôi cũng đã có nhận xét này, là phần đông đồng bào của chúng ta là trong tình trạng không có quần áo ấm để mặc trong mùa đông gần gũi, nó đã đem lại bao sự tốt lành cho những người giàu có bằng cách mang lại định kỳ cho họ một ít thời tiết của những vùng được ưu đãi, nó đã hồi phục những cơ thể mệt mỏi nhưng được ăn uống đầy đủ.

Mùa đông này, như chúng tôi đã nói là rất ngắn và luôn luôn bị cắt quãng bởi những ngày đẹp trời nắng ráo, mà những người An Nam nghèo khổ tự miễn cho mình phải có quần áo ấm, luôn tự nhủ rằng người ta đã thoát được không phải mặc ấm để tránh gió mùa đông bắc lạnh giá và mưa phùn thấm thía. Không may thay, người ta phải đi kiếm cái ăn hàng ngày và đi ra ngoài là một sự cần thiết, ngay cả đối với người giàu có, mặc dù chỉ là trong sân của nhà mình hay là chỉ cách vài bước cái tổ ấm của mình.

Những người chủ tốt cho những người ở và người làm thuê của họ những áo chần thủ lót bông. Nhưng vì đây là một xa hoa cho một số đông, họ vội vàng đem bán. Một trong những người bạn của tôi, một giáo sư, ông đã có nhận xét giống như vậy và đã áp dụng phương pháp cho mượn quần áo ấm cho những người của mình, chỉ cho mượn vào những ngày rét và đã tập trung để làm việc này, tất cả những quần áo cũ; áo gi-lê,

áo len và những loại khác có thể giữ ấm được ít ra là bộ ngực nhạy cảm của những người lao động.

Ông ta cũng một vài lần phải trả giá về sự rộng rãi của mình, do có những người bỏ trốn mang theo cả những thứ đã mượn, nhưng ông cũng đã được sự yên lòng được thấy những người giúp việc mình được mặc ấm một ít để chống rét.

Việc thực hiện đã được phổ biến cho những người làm trong nhà. Và nếu đây là một việc từ thiện cần phải được thực hiện thì trước tiên phải do cái tổ chức từ thiện của công và của tư nhân phải làm. Một tổ chức cho mượn những quần áo ấm cho những ngày rét đậm.

Nhưng còn có một hình thức cực khổ khác, để chống lại được nó ngay lúc này, chưa làm được là bao nhiêu, vì rằng nó chiếm đến chín phần mười dân số của chúng ta. Đây là đói ăn, không chỉ là về chất lượng mà cả về số lượng nữa.

Ông Vũ Văn An, là một nhà vô địch trong nông nghiệp có năng suất cao và ông ta đã có cơ hội để lưu ý đến tất cả những vấn đề có liên quan đến đời sống vật chất của nông dân của chúng ta đã cho tôi biết những con tính của ông về vấn đề này.

Những con tính này không biết có sai số đến đâu, nó đối với chúng ta cũng là một cơ sở để nhận xét và nghiên cứu, mà mỗi một chúng ta có thể kiểm tra lại và nếu cần thiết thì sửa chữa lại. Theo ý kiến của nhà nông nghiệp này thì chín phần mười nông dân của chúng ta không ai có hơn được 3 mẫu ruộng để nuôi sống gia đình mình.

Gia đình người An Nam gồm có trung bình là 5 người, hai vợ chồng, một trong số hai người bố hoặc mẹ và hai đứa con. Như vậy là 5 người, 3 người nhón và hai trẻ em.

Nếu khẩu phần của chúng ta là 800 grs trung bình về gạo

trong một ngày cho người lớn và 500 grs một ngày cho trẻ em thì trong 360 ngày một năm cho một gia đình phải cần tới :

$$800 \text{ grs} \times 3 \times 360 = 864 \text{ kg}$$

$$500 \text{ grs} \times 2 \times 360 = 360 \text{ kg}$$

Tổng cộng 1.224 kg

Vì rằng, sản lượng trung bình của một mẫu ruộng trong một năm là 500 kg. Ba mẫu sẽ thu hoạch được 1.500 kg, như vậy còn phải trừ đi tiền thuế, được tính 3đ cho thuế thân và 6đ cho thuế ruộng, và tính tất cả những phụ thu và tăng lên, và cũng còn phải giữ lại lúa giống cho mùa sau.

Chúng tôi chưa tính ở đây tiền thuê người làm, và không tính tiền thuê đất, vì rằng chúng tôi chỉ tính cho những người nông dân có ruộng và tự mình làm ruộng của mình. Chúng tôi để sang một bên tất cả những chi phí khác cố hạn chế nhất đối với những người nghèo, ví dụ như về quần áo, sửa chữa nhà cửa, những chi phí không thể dừng được.

Khi mà giá thóc bán được giá, thì 300 kg đủ cho tất cả những chi phí đã kể trên và chỉ còn vừa đủ để không bị chết đói.

Bây giờ giá thóc bán được 2,70đ ở gần những trung tâm mua bán, tức là vào 2,50đ trung bình ở khắp mọi nơi. Chúng ta ước tính là 12đ tất cả những chi phí đã kể ra ở trên bao gồm cả muối và một vài thứ rau muối hay luộc, nếu không có các thứ đó thì những người ăn kham khổ nhất cũng không thể nuốt được cơm, như vậy phải trừ đi 450 đến 500 kg sản phẩm đã thu hoạch được của 3 mẫu ruộng của gia đình. Điều đó dẫn tới chỉ còn 1000 kg, số lượng rõ ràng là không đủ cho ba người lớn và hai đứa trẻ gồm có trong gia đình.

Như vậy bắt buộc họ nhiều khi chỉ được ăn một bữa cơm

có gạo và ăn bù vào thức ăn một vài thứ rau sản phẩm xen vụ trồng trong mùa khô vì vậy mà không tính vào thu nhập : khoai sọ, ngô, khoai lang. Nếu khoai sọ và ngô là những thức ăn tốt và khá giàu dinh dưỡng thì khoai lang có thể dẫn tới làm rối loạn tiêu hoá khá nghiêm trọng. Chính vì những nông dân của chúng ta luôn luôn phải ăn khoai lang để thay cho gạo, mà những nhà bác học đã có nhận xét, những ảnh hưởng có hại của củ khoai lang, mà một số nước ở Âu châu tuyên bố là thức ăn tốt nhiều dinh dưỡng, ngang với củ khoai tây, ở nước chúng ta lại khác nếu ăn nhiều khoai lang quá sẽ dẫn tới làm rối loạn nghiêm trọng những chức năng của gan dẫn tới bị vàng da, vì vậy người ta gọi là khoai lang.

Ông Thống sứ Pagès có phần lo nghĩ đến tình trạng khốn khổ này của nhân dân ta. Như vậy ông Thống sứ có nghĩ đến việc đầu tiên phải làm là giảm thuế đất một cách như thế nào để giảm nhẹ gánh nặng của những người chủ nhỏ này, không được ăn đủ no để có thể hoàn thành tốt nhiệm vụ của mình là người phải đóng thuế.

Chúng tôi được biết là Tiểu ban cơ mật đã đồng ý và sẽ được triệu tập nay mai để góp ý kiến về vấn đề này.

Nguyễn Văn Vĩnh

Báo L'Annam Nouveau

số 204 ngày 12/1/1933

GIÀY DÉP

Tôi sẽ không nói như ông Doumer tốt bụng, đúng vào ngày ông xuống tàu đi Hải Phòng: Người ta sẽ phải đem lại giày dép cho tất cả những người An Nam nghèo khổ này. Người An Nam có hai mươi triệu người đi chân đất (chỉ có một vài nghìn người có giày dép). Nếu cần phải đem lại sự mới lạ trong ăn mặc nói chung này, sẽ là một chi phí tập thể sáu mươi triệu đồng bạc một năm, mà những người nông dân của chúng ta thấy cần phải dành để cải thiện chế độ ăn uống của họ.

Trong khi đó giày dép lại là một dấu hiệu của sự cao cả. Tất cả những dân tộc văn minh ở Châu Âu đều đi giày dép và ngay cả những người Trung Hoa mà chúng ta có chung một nền văn hoá cũng đi giày dép. Người đi giày dép, tất nhiên là đã bỏ xa người nguyên thủy mà chúng ta đều là con cái, nếu như con khỉ biết nói thì nhất định nó sẽ nói ngược lại, ở nước chúng ta cũng như vậy, người đi giày dép chỉ huy người đi chân đất. Đây là một sự phân biệt và một tiện nghi để đánh giá những thói quen tinh tế hơn. Giày dép Âu châu là cao cấp hơn những đôi dép, đôi guốc và đôi giày vải của chúng ta, vì rằng nó đem lại cho con người một sự rắn rỏi trong dáng dấp tạo ra cảm tưởng về sức mạnh và về sự hăng hái toát ra ở người Âu châu. Cụ thể là giày dép làm cho chúng ta đặt chân xuống đất mạnh dạn hơn vào chỗ mà người chân đất phải đi dò dẫm để tránh đâm phải gai, phải đinh, phải mảnh sành hoặc là chỉ vì

mặt đất gồ ghề. Ngược lại trong bùn lầy của ruộng lúa thì người đi chân đất làm chủ, chỉ cần có một điều kiện là da ở bên dưới mặt hai bàn chân đã phải trài cứng lại, do sự phải va chạm hàng ngày với đất bùn bẩn thỉu, với sỏi đá, với rễ cây, với phân bón đã hoà tan vào bùn loãng của ruộng lúa. Và đây là sự hơn hẳn của người dân cày An Nam, so sánh với một số loại đất mà những người Trung Hoa và ngay cả những người miền núi ở trên mạn ngược đều phải bỏ hoang. Chúng ta là những con chim mò cua, chỉ có mình chúng ta có thể dẫm chân trong ruộng bùn lầy. Và cũng chính vì lẽ đó mà những kẻ xâm lược Trung Hoa đã nhiều lần chiếm được tất cả nước ta, đã đều phải trả lại chúng ta tất cả, bởi vì họ không thể nào chiếm được ruộng nước bùn lầy, là nơi trú ẩn cuối cùng bất khả xâm lược của lòng yêu đất nước An Nam.

Khi người An Nam đã trở nên giàu có bằng cách dẫm chân trong ruộng bùn lầy, thì họ đi giày và tự nâng mình lên một cấp. Nhưng họ không bao giờ quên là giày dép của họ là một phần thưởng đến từ bùn lầy, trong đó họ đã dẫm hai bàn chân không của họ.

Ông nội tôi đã gài chặt đôi dép vào thắt lưng để đi về làng, và chỉ đi dép trở lại một khi đã về tới nhà. Lốp đá dải đường được mặt trời nung nóng lên, của con đường cái quan đối với ông tôi là mềm mại như dải thảm, đi trên đường rất là dễ chịu để đi bằng chân đất không cần phải đi giày dép để làm mòn đế giày vô ích. Ông chỉ đi giày để chứng tỏ cấp bậc của mình đã đạt được, chứ không phải để dùng như một tiện nghi bảo vệ chân.

Người An Nam đã khám phá ra là giày dép, nhất là giày kín có bi tất, là một nơi để tiếp nhận và áp ủ những bẩn thỉu, để

tránh không phải nói là vi trùng. Họ quay đầu đi và nhỏ nước bọt khi nhìn thấy một người Trung Hoa cởi giầy và tụt bi tất ra. Họ thấy là vệ sinh hơn giữ cho hai bàn chân lúc nào cũng ở ngoài không khí tự do, chỉ cần dội nước cho sạch những nhơ bẩn bám vào chân, mỗi một khi người ta đi vào trong nhà. Cái ao có bắc một tấm ván làm cầu ao có một cái xào để vịn được làm để rửa chân và khi nào ao ở xa nhà quá, thì một cái vại đầy nước, được đặt ở ngoài cửa vào nhà, có một cái gáo con và được lát một tảng đá, để làm chỗ rửa chân. Người Âu rửa tay trước khi ngồi vào bàn ăn. Người An Nam rửa hai bàn chân trước khi đi vào nhà ngồi lên trên giường xập. Khốn nỗi thay, họ không có khăn để lau khô chân, và họ không biết và không thấy là khó chịu, còn có thể là bẩn thỉu nữa, khi có hai bàn chân bị ướt. Nhưng khăn mặt là một xa hoa không hợp thời đối với dân chúng nghèo khổ như thế này, và nông dân của chúng ta cho là tội lỗi khi nhìn thấy một người lau chân bằng khăn mặt bông còn trắng tinh, đáng lẽ ra họ dùng làm khăn quấn cổ hoặc làm chăn đắp, nhất định là còn ấm hơn một áo tơ lá nón hoặc một cái chiếu cói.

Giầy cao cổ và bi tất nhất định là một tiện nghi phải đạt tới. Nông dân của chúng ta biết rất rõ đấy là những dấu hiệu của sự đầy đủ. Nhưng vấn đề là phải đầy đủ đã, trước khi tỏ ra bằng những dấu hiệu. Vì rằng, bùn lầy của những ruộng lúa phải được khuấy lội hàng ngày nếu người ta muốn có được cái gì mà ăn. Ngày nào mà tất cả những người An Nam sẽ có giầy dép mà đi, thì những đầm lầy và những vùng không có mương khơi nước này sẽ không được cấy cấy nữa. Khốn khổ thay còn có rất nhiều đồng lầy như vậy. Chính đây là một cái vòng luẩn quẩn mà chúng ta không bao giờ thoát ra khỏi.

Giầy dép đứng về quan điểm nhân đạo, là một xa hoa chứ không phải là một cần thiết. Để cho nó trở thành một tiện nghi thật sự, đòi hỏi phải có sự chăm sóc vệ sinh rất cẩn thận. Chân được bọc kín trở nên có nhạy cảm cao độ. Nó chỉ có thể đi trên những thảm mềm mại vào mùa đông trên những sàn gỗ bào nhẵn đánh bóng vào mùa hè. Nó sẽ bị nhiễm trùng khi đi vào những chỗ không bảo đảm và chỉ cần sây sát rất nhỏ, không được bôi thuốc sát trùng sẽ toả ra một mùi hôi thối khó chịu. Nó không còn đủ sức đề kháng của làn da đã phải chịu đựng hàng ngày tất cả những va chạm trực tiếp với tất cả những bẩn thỉu. Nhưng một bàn chân đẹp được chăm sóc cẩn thận và được bao bọc che chở là một báu vật ưa nhìn, khi nào chân được để trần, và sự làm đom của những người đàn ông và nhất là của những người đàn bà, họ rất có lý để tự hào về bàn chân của mình. Người ta còn làm cho chân trắng ra, để làm cho nó hấp dẫn hơn, giống như rau bắp cải và xà lát cuốn được che kín khỏi ánh sáng mặt trời. Cũng theo cách tinh vi như vậy người ta bọc kín cả cặp đùi của thân thể con người để làm cho nó trở nên trắng hơn và nõn nà hơn, coi đó là những dấu hiệu của sự nhàn hạ và là sự tế nhị của thân thể, chứng tỏ sự nhạy cảm về tinh thần và về trí tuệ.

Nhất định đây không phải là ý kiến của những người theo chủ nghĩa khoa thân, họ chủ trương cho thân thể con người được thường xuyên trực tiếp với thiên nhiên, và nhờ vậy chữa được khỏi bệnh cho đàn ông, cái bệnh nhạy cảm sâu sắc quá do kết quả bị bắt buộc mặc quần áo che kín thân thể của mình một cách giả tạo, thân thể là một kỳ quan của đáng sáng tạo.

Nếu chủ nghĩa sống theo thiên nhiên và sống khoa thân đã được hoan nghênh ở thế giới văn minh, nhất định cũng có

ngày chúng ta sẽ thực hiện.

Chúng tôi cầu mong ngày ấy đến sớm để cho chúng ta không phải học rồi lại bỏ những thói quen xấu của những người văn minh mà chúng ta đang cố gắng tiếp thụ một cách nhọc nhằn.

Mong cho nó đến trước khi chúng ta áp dụng đi giày kín có bi tất, để đỡ cho chúng ta làm đi làm lại lòng vòng.

Nguyễn Văn Vĩnh
Báo L'Annam Nouveau
 Số 206 ngày 9/1/1933



ĐÁM TANG ỚNG VĨNH 8-5-1936 - ĐOÀN NHÀ BÁO

KẸ TRỘM VÀ KẸ CƯỚP

Những biểu hiện đầu tiên của sự nghèo khổ ở đất nước này là những vụ trộm và những vụ cướp và những hành động kẻ cướp, nhất là vào gần những ngày Tết.

Tại sao những vụ cướp bóc lại xuất hiện nhiều vào lúc đầu năm An Nam ? Trước tiên là vì đồng bào chúng ta tin là tất cả những điều xảy ra trong những ngày đầu năm, nhất là trong ba ngày Tết, người ta ăn Tết trong gia đình, có một ý nghĩa báo hiệu sự may mắn đặc biệt.

Ví dụ như trong những ngày này mà không có ăn thì cả năm sẽ không có ăn. Vì vậy mà tất cả người An Nam đều phải thu xếp làm thế nào để có ăn no đủ, uống tốt, ăn mặc đẹp trong ba ngày Tết. Lòng từ thiện cảm động nhất là làm thế nào giúp cho mọi người có đủ ăn, có đồ lễ cúng dâng lên tổ tiên, được hưởng một sự tương đối đầy đủ vào ba ngày đầu năm mới. Tôi biết có những ông chủ đã áp dụng theo nguyên tắc từ thiện bằng cách làm cho những người nghèo thuê nhà của ông ta được miễn không phải giả tiền nhà đến kỳ hạn phải nộp, trong phạm vi mười ngày đến trước và theo sau ngày Tết, và làm điều này không có phân biệt là người thuê nhà đã lâu năm, họ chỉ mới đến ở thuê nhà có ba tháng, cũng được hưởng như những người đã thuê nhà từ nhiều năm, một tháng thuê nhà không phải trả tiền và không ai nghĩ tới phải xác nhận sự công bằng của biện pháp châm chước này. Điều đã dẫn tới có tư tưởng chung này, của tất cả đồng bào ngay thẳng của chúng

ta, là một sự gấn bó chặt chẽ đã đoàn kết những con người vào lúc long trọng này của năm mới.

Ngược lại những người cho vay lãi lại tỏ ra không thương tiếc để thu hồi lại tiền của mình vào những ngày cuối cùng của một năm đã hết, và làm điều này với lý do đặc biệt là họ phải kiểm chế không được đòi nợ vào những ngày đầu năm sắp sửa tới. Vì vậy mà người vay nợ có ý thức đều tìm mọi cách để trả nợ, trước khi hết năm với tất cả những chủ nợ của mình, để đem lại sự bình yên cho tổ tiên, trong suốt những ngày đó, khi mà linh hồn của tổ tiên trở về với gia đình.

Con người bận rộn nhất cũng phải tự thoát khỏi những lo nghĩ của mình để qua được ba ngày Tết đó một cách long trọng trong hoà bình và trong suy tư.

Như vậy, đến gần ngày Tết năm mới, hay nói đúng hơn là những ngày đầu năm có một sự nhộn nhịp đặc biệt trong những hoạt động thương nghiệp, thanh toán, mua bán, trả lại tiền, đã làm cho những người nghèo khổ nhất cũng đem theo trên mình, hoặc là tất cả số tiền có thể có được, lấy ra từ chỗ cất dấu.

Điều đó không phải đã không làm cho người bất lương nảy ra ý nghĩ phải lợi dụng lúc này. Họ rình mò người bán hàng trở về, thường là thu về được nhiều hơn; họ đã nhập vào những nhà kín cổng cao tường bằng cách trèo qua tường, trong đó những cửa cải mới thu về được, nhất định là chưa được dấu kỹ, họ đã xông vào những nhà không được phòng thủ cẩn thận, ở đó công việc chuẩn bị Tết rất nhiều, người ta phải tập trung lại để làm lễ thần theo phong tục và lễ bái trong gia đình. Những việc tổng thanh toán nợ nần, tiền bạc phải được đưa cả về nhà của những người sung sướng có của và bởi vậy đã làm khánh kiệt tất cả những nhà nghèo khổ.

Vì vậy mà những đứa lưu manh hiện lành nhất cũng nhan nhản ở khắp nơi. Những đứa nhỏ thì đành đi ăn cắp vặt trong những chợ dựa vào sự đông đúc và chen lấn lẫn nhau. Những đứa cương quyết hơn thì tập hợp nhau lại, âm mưu làm những vụ lớn hơn. Sự phổ biến những mảnh khoé ăn cướp của Mỹ ở các rạp chiếu bóng, đã đem lại cho chúng những phương pháp mới, đã được đem ra áp dụng ở các thành phố lớn. Những ý kiến mới nhất đã được đem ra thực hành. Vụ trộm mới đây là 800\$ trong một cửa hàng (tây đen bán vải) Bombay ở phố Hàng Đào, đã có vụ định chặn những ô tô trên những đường lớn, những vụ ban đêm vào những nhà có tiếng sủng, với lý do được mời đến dự lễ đạo, lễ tất niên, những kế hoạch chiến dịch có danh sách những nhà đã được lựa chọn để phải hành động ở đó, là những ví dụ áp dụng kỹ thuật mới đó. Sở cảnh sát vừa bắt một nhóm 40 tên cướp ở phố Hàng Mành. Chắc rằng họ sẽ được khen thưởng nồng nhiệt. Nhưng hãy còn nhiều việc phải làm, nếu người ta muốn cho chúng ta được đón Tết đến thật sự an toàn, nhất là ở các vùng nông thôn.

Sự lo lắng đã lên tới mức gần như một sự may mắn đối với những người giàu khốn khổ như chúng ta được thấy bị nắm cổ bởi những người chủ nợ rộng rãi, vào đúng lúc này, không phải được coi như những người buôn bán giàu có mà là tốt. Vì rằng, những ông tướng này những kẻ "vào nhỏ để ra to" theo tên gọi mỹ miều của đồng bào chúng ta đã đặt cho bọn ăn cắp, nhập một cách trái phép vào những nhà, để bóc lột tất cả những người ở trong nhà bằng cách dùng dao, hay vũ khí khác để hăm dọa. Chúng nó đã lập danh sách những nhà có thể đến cướp được.

Nói lên điều này để khuyên răn những người có của, phải

biết cách đề phòng tốt, để mắt nhìn tất cả những người nhập vào và đi ra; và nhất là phải tổ chức hỗ trợ lẫn nhau cùng bảo vệ giữa những người hàng xóm.

Cảnh sát canh phòng, nhưng cảnh sát không thể có mặt ở khắp mọi nơi cùng một lúc, và tốt hơn hết những người công dân phải giúp đỡ họ làm nhiệm vụ bằng cách dùng có đóng cửa chú ý đầu ở trong nhà khi hàng xóm kêu cứu, lấy có là chạy đi cứu giúp những người bị nạn, có nguy cơ bản thân mình cũng bị nhầm là kẻ cướp.

Đó là những việc có thật, nhưng những người có tâm huyết phải biết xông pha nguy hiểm để bảo đảm một sự che chở lẫn cho nhau có hiệu quả. Phải biết rằng sự tin tưởng lẫn nhau bao giờ cũng được thiết lập. Không như vậy thì sẽ không thể nào có được một xã hội có cảnh sát.

Tôi nhấn mạnh đến sự cần thiết đối với những người An Nam phải khép mình vào kỷ luật hình sự, vì rằng tôi biết có những người giàu có ở những vùng trung tâm xa xôi, họ ưa thích điều đình với những kẻ làm bậy, để chúng chừa họ ra, còn mặc kệ những người hàng xóm, không có điều kiện để làm theo họ. Ở đây, trong việc làm rất bỉ ổi này, tôi chỉ trình bày lướt qua, là tất cả một vấn đề an ninh phải giải quyết, trong thời buổi khó khăn này, trong đó những nghề nghiệp lương thiện không nuôi sống nổi được con người lao động.

Nguyễn Văn Vĩnh
Báo L'Annam Nouveau
 Số 207 ngày 22/1/1933

SỰ CÙNG KHỔ CỦA VIỆC DI DÂN

Đúng là sự khốn khổ của những người dân ở Bắc kỳ, nó đã thể hiện ra với tất cả sự ghê tởm từ khi có kinh tế khủng hoảng. Khi mà những công việc kinh doanh còn tiến hành được, khi mà hoạt động thương mại, công nghiệp và hầm mỏ còn đem lại cho đất nước này sự bổ sung, không thể thiếu được về những tài nguyên, để nuôi sống được gần như tất cả mọi người và nuôi sống ở mức cao hơn một ít, dân cư làm công nghiệp ở những thành phố lớn, bản thân mình là những người An Nam chúng tôi cũng không trông thấy là những ruộng đất trống trọt được, chỉ gọi là đủ để nuôi được mọi người. Vì vậy mà những người được ưu đãi như chúng tôi, những công nhân viên chức của chính phủ và những người ăn theo, phải lo lắng gì, tiêu tiền không phải tính toán, kiếm ra được một cách dễ dàng, trong công việc làm bàn giấy, làm việc đầu cơ hãy khai thác ở những công trình lớn mà chúng ta không phải là chủ. Gần như tất cả chúng ta đều không ai biết về đời sống không có ngày mai của những người nông dân ở chen chúc dưới đồng bằng, vào khoảng từ 500 đến 600 con người vào một kilômét vuông, kiếm thức ăn để sinh sống trong không đầy nửa mẫu ruộng một đầu người, có nghĩa là một diện tích để sản xuất ra được vào khoảng 250kg thóc, bằng là 170kg gạo, trong lúc đó phải cần tới tối thiểu nhất là 300kg cho một người để đủ xuất gạo ăn trong một năm, chưa tính quần áo và nhà ở.

Nếu như mặc dù những tính toán này đã có thể thách thức đố ai cải chính được, vẫn còn có những người lúc nào cũng được ăn no, và hơn nữa còn có những người có nhiều hơn sự cần thiết, những người này nhất định là chỉ có ăn nhờ vào khẩu phần của người khác vẫn đang còn bị thiếu hụt.

Chính đây là một phép lạ về sự chịu đựng sự thiếu thốn và sống kham khổ, mà nhân dân Bắc Kỳ không những đã không chết đói và còn có 18.000 tấn gạo để xuất khẩu hàng năm.

Và điều để chúng tỏ là không phải chỉ cần có ăn là tất cả, cả đối với những người đang đói, điều mà nhân dân đang khổ sở là không bán được từ một năm nay 18.000 tấn gạo của mình đã bớt ra được trong số gạo cần thiết của mình.

Nhất định là ở đây có những điều không thể hiểu được đối với những nhà kinh tế ! Làm thế nào mà giải thích được điều này ?

Ở đây có những vấn đề cần phải suy ngẫm nghiêm chỉnh, tôi phải đề nghị với tất cả những người còn có thừa thời gian để lo đến hạnh phúc của tập thể. Vào thời điểm hiện nay những vấn đề này là hữu ích hơn so với tất cả các công việc trí óc khác.

Những bài báo trước của tôi đã đem lại cho tôi nhiều ý kiến của các bạn bè, nhất là của ông Crévost người sáng lập ra nền tiểu công nghệ trong gia đình của chúng ta, trong thời buổi tốt hơn, đã đem lại cho nhân dân của chúng ta ở nông thôn những nguồn thu nhập đáng kể. Trong một buổi đi công tác ở các làng thủ công, người bạn lớn của người An Nam này đã nhận thấy sự đông đúc của những gia đình sinh sống trên những mảnh đất chật hẹp đã làm cho ông luôn phải tự hỏi : không biết họ làm thế nào mà có đủ ăn được ?

Với kinh tế khủng hoảng, những đồ dùng nhỏ bé quen thuộc mà ông đã hướng dẫn nông dân của chúng ta chế tạo ra, không còn bán được nữa, và một số ít được ký gửi trong những cửa hàng lớn ở Hà Nội và ở những nhà đại lý xuất khẩu, trở thành đối tượng của sự cạnh tranh với những nhà chế tạo và những xưởng sản xuất, không còn đủ để thanh toán những chi phí, đã từ từ tan vỡ cả.

Như vậy phải tìm cách khác để làm cho những dân chúng đông đúc quá mức này đỡ đói ăn và không có tiền đó đỡ bị đói khổ. Sự di dân lên trung du và lên vùng cao có thể là một giải pháp, ban đầu chưa đầy đủ về sau sẽ còn phải hoàn chỉnh thêm bằng cách di dân đến những cánh đồng rộng lớn ở bên Lào.

Nhưng không có tiền thì làm thế nào di dân được. Tất cả những cố gắng đã làm được cho đến ngày nay chỉ gặp những thất bại, thường được đổ lỗi cho vì thiếu tổ chức. Nhưng đã nói đến tổ chức tức là nói đến tiền.

Không phải chỉ với những lời nói mà người ta có thể thuyết phục được những người nông dân ở chui rúc dưới đồng bằng rời bỏ làng quê của mình để đi lập nghiệp ở Tuyên Quang, Yên Bái hay ở Phú Thọ. Người ta còn phải cấp tiền và giúp đỡ họ tự tổ chức một cách hợp lý, để có thể rút ra ngay được những kết quả của những đồng vốn đầu tư, và không làm lãng phí vốn vì những cơ quan ăn bám, và về những công việc chuẩn bị đối với họ sự no đủ của nhân dân không bao giờ họ nghĩ đến.

Đáng lẽ là những cơ quan kỹ thuật, họ chẳng biết cách làm thế nào ở những vùng đất mới này, ở đó người bản xứ, do những kinh nghiệm đã tích lũy được từ hàng nghìn năm, ngay từ quan sát lần đầu họ đã thấy được điều có thể làm được ở

đây, phải có những người khai hoang bản xứ được chính thức khuyến khích và đề bạt lên làm “đồn điền sư” dưới thời Vua Minh Mạng và Vua Tự Đức, những đồn điền sư đã thành công trong việc mở rộng những tỉnh Nam Định, Ninh Bình và Quảng Yên.

Cần phải có một sự mềm dẻo rất lớn về tổ chức trước những muôn vàn khó khăn và phức tạp theo những đòi hỏi của vấn đề. Ở đây những phương pháp bóc lột bằng cho vay lãi có thể thành công, phải chằm chước cho nó, có khi còn khuyến khích nó, về sau sẽ tìm cách giải phóng cho người nông dân cấy rẽ sau khi họ đã ở yên trên đất mới. Cho vay lãi là sự bù lại của những người bóc lột An Nam đã áp dụng để đề phòng muôn vàn rủi ro sẽ còn gặp do đầu óc mạo hiểm và sự không biết lo xa của những người dân cày, đi làm việc ở bên ngoài quê hương của họ. Bất cứ áp dụng phương pháp nào, sự bóc lột này đều sẽ có lợi cho đất nước, khi mà nó đạt được mục đích làm cho nhiều người ổn định sản xuất được ở trong một vùng mà trước đây bỏ hoang.

Người nông dân là khá mạo hiểm để theo một người chủ trang trại đến một vùng xa xôi, là một con người kiên quyết kiếm ra tiền trong một thời gian ngắn nhất, để có thể trở về quê thành giàu có hơn nhiều hay ít, và họ không có những e ngại của những người đã lập nghiệp từ lâu ngày trong một làng xã. Vì vậy mà tất cả những phương tiện đều là tốt, để giữ được họ gắn bó với nơi mà người ta đã đưa họ đến. Cho vay lãi là trong số những phương tiện đó, vì rằng những điều kiện bắt buộc nặng nề nhất do những người bóc lột dựa vào những hợp đồng đã tạo thành một sự đe dọa vĩnh cửu lúc nào cũng ở trước mắt của những người di cư, họ bao giờ cũng tìm cách chốn về quê

khi nào họ thấy trong thất lưng có hai mươi đồng.

Đối với những người An Nam cho vay lãi, những điều kiện hợp đồng chẳng có nghĩa lý gì cả. Chỉ cần họ là người tốt và ngay thẳng trong phương pháp để áp dụng hợp đồng. Chúng ta hãy còn cách xa mới theo được tinh thần của bộ luật hình sự của Pháp.

Ở nơi nào mà người có lương tâm bị phá sản, thì ở đó người cho vay lãi nhiều khi lại làm giàu và nuôi sống được những người chung quanh.

Chúng tôi sẽ trở lại với vấn đề này, khi nào chúng tôi viết về những trường hợp đặc biệt của việc di dân.

Nguyễn Văn Vĩnh
Báo L'Annam Nouveau
Số 214 ngày 23/2/1933



ĐÁM TANG ÔNG VĨNH - 8 - 5 - 1936 - QUANG XE TANG

VẤN ĐỀ NƯỚC SẠCH Ở CÁC LÀNG QUÊ CỦA CHÚNG TA

Việc cung cấp nước sạch của những thành phố là một trong những dấu hiệu rõ rệt của sự tiến bộ mà tất cả các dân tộc đều phải ước mong. Bởi vì rằng thực tế còn có những hình thức của sự tiến bộ mà người ta có thể tranh luận được. Riêng có một điều không tranh cãi được là tiến bộ về những vấn đề bảo đảm cho những tập thể con người về đời sống, về sức khoẻ và về sự thoải mái, nhất định là phải có đủ nước sạch và trong lành, cần thiết cho ăn uống và tắm rửa.

Ngày nào mà người ta có thể giác ngộ được đông đảo quần chúng người An Nam về những khái niệm sơ đẳng về vệ sinh tập thể và cá nhân, bằng cách phân phối đầy đủ nước sạch, thì người ta mới thực hiện được một bước tiến bộ lớn tới văn minh, mà tôi gọi là văn minh thật sự. Tất cả những quan niệm khác về tiện nghi và sung sướng về vật chất, tự nó sẽ đến khi nào những người nông dân tiếp thu được cái khái niệm chủ yếu này về nước, là bộ phận chủ yếu của đời sống và đồng thời cũng là yếu tố để lây truyền những bệnh dịch.

Khi mà chúng ta khẳng định được với những người nhà quê của chúng ta là nước bị ô nhiễm mà họ uống có thể gây ra cho họ bệnh dịch tả hay bệnh thương hàn, nhất định chúng ta sẽ thấy là họ vẫn đứng vững và là rất đúng, bởi vì ngày nào cũng thế họ chỉ uống nước ở một cái vũng đầu tiên mà họ gặp ở trên đường, và không có một công cụ lấy nước nào khác là

vốc của hai bàn tay và cái nón đang đội, đầy mồ hôi và mùi tóc bẩn, và không vì vậy mà họ bị mắc bệnh dịch tả hay thương hàn, và cũng không bao giờ thấy những trường hợp bị nhiễm trùng theo tỷ lệ như đã ấn định, có phải là cách khẳng định hay chỉ để thuyết phục về những mối liên hệ từ nguyên nhân dẫn đến hậu quả.

Như vậy phải có rất nhiều những biện pháp trong cuộc vận động này bằng lời nói và bằng viết bài để chứng tỏ được ví dụ như không phải chỉ có cách trung truyền bệnh dịch, cũng không phải là vì hậu quả hay bị coi như nguyên nhân không tránh khỏi của sự lan truyền bệnh; mà là mỗi một người trong đó chính là không uống nước không bảo đảm và làm việc này phải lưu ý đến tất cả những cầu thả có thể có do tính chất thiếu cẩn thận và buông thả của đồng bào chúng ta.

Có một điều phải thấy là những người An Nam đánh giá cao sự trong lành của nước mưa, một số giếng nước trong và có vị ngon nổi tiếng về độ sâu của mạch nước. Nhưng nếu như họ ưa thích những thứ nước đó mà được ở gần là một điều tốt lành được tất cả mọi người đều công nhận, họ cũng không làm gì được để cho nhiều người khác cùng được hưởng, hay là làm thế nào cho lưu lượng nước tăng lên để có thể mở rộng bán kính được dùng. Những người hàng xóm trực tiếp đành phải sử dụng, lấy nước từ bất cứ chỗ nào bằng những phương tiện cá nhân, loại cổ xưa nhất. Những người ở xa đành phải kiếm nước sạch theo cách có thể có của họ và khi họ có nhiều người giúp việc trong nhà. Nhưng không bao giờ trong những xóm có đồng người ở của chúng ta lại có ý nghĩ tổ chức cung cấp nước chung. Những người hiền lành tìm cách làm giếng nước riêng biệt, để tránh được những nguyên nhân gây ô nhiễm, công cụ

đưa nước lên công cộng để lấy nước được dễ dàng, thường vấp phải những cản trở, nguyên nhân chính là vì nó chỉ có lợi đặc biệt cho những người ở gần ngay cạnh giếng. Không có một làng xóm nào, không có một khu phố nào, ngay cả những khu nhà tư, đã có người nghĩ đến cung cấp nước bằng máy bơm hay phân phối nước bằng đường ống dẫn chôn ngầm dưới đất. Trong khi đó, chính đây lại là một kỳ diệu loại đơn giản nhất để có thể thực hiện được trong số tất cả những kỳ diệu mà khoa học đã đem lại, và nó lại có tính chất để làm biến đổi hoàn toàn những điều kiện có thể sinh sống được của một nơi, và cả một vùng rộng lớn.

Đã biết bao nhiêu lần đã xảy ra với chúng ta, phải rời bỏ sớm hơn một nơi về tất cả mọi mặt khác đều dễ chịu, chỉ vì phải nấu ăn, tắm rửa bằng nước ao tù, mà phải bỏ đi nơi khác.

Bởi vì những cái mà người ta gọi là cái giếng ở các làng quê của chúng ta, nhiều khi chỉ là những cái ao sâu độ 5m là tối đa, do đó nước bần từ những cái ao, những vùng nước ở lân cận ngấm vào được. người ta gọi là giếng đơn giản chỉ vì nó có hình tròn và không được phép tắm ở đó, không được giặt quần áo bần, không được đổ rác bần ở đó. Ngoài những điều đó ra, nó cũng giống như tất cả những ao khác; và một vài khi còn bần hơn nữa, bởi vì diện tích hẹp hơn, đó là chưa nói đến những lá khô rơi xuống và mục ra, những cái giếng thường được đào dưới những gốc cây to, xếp đầy những bình voi cũ và có xây một cái miếu cổ truyền, để thờ thần bảo vệ giếng.

Dựa vào tình hình thực tế, người ta có thể nói là sự cung cấp nước sạch bằng đường ống dẫn là có thể làm được về mặt kỹ thuật cũng như về mặt tài chính, trong tất cả các làng quê tương đối khá giả. Sự tìm kiếm trước những nguồn nước sạch

ta có thể tự làm được. Vì rằng ai đã đề ra được vấn đề thì có thể giải quyết được vấn đề. Chúng tôi mong rằng sẽ có một ông kỹ thuật viên nào nghiên cứu một thiết kế định hình cung cấp nước cho một làng quê ước độ 1000 dân làng, bao gồm các đài nước cao, hệ thống bơm nước, lắng nước, lọc nước và khử trùng nếu cần thiết, đường ống dẫn và vòi lấy nước. Chúng ta hãy tạm gác lại việc phân phối nước đến tận nhà cho những người mua nước, chỉ bước đầu dẫn nước bằng tự chảy đến những điểm có đông người ở nhất trong những làng quê một cách như thế nào để làm nhân lên những giếng tốt ở khắp các xóm trong làng.

Người ta gần như có thể chắc chắn sẽ có một làng giàu có sẽ tiến hành thử đặt đường ống dẫn nước, nó sẽ làm cách mạng về nước sạch cho cả một tỉnh, và một khi giá cả để đặt hệ thống dẫn nước đã được biết, thì điển hình đó sẽ lan rộng ra nhanh chóng trong cả nước.

Chỉ đến ngày đó, người ta mới có thể nói được là văn minh của khoa học Âu châu đã lan truyền đến nước An Nam.

Nguyễn Văn Vĩnh

Báo L'Annam Nouveau

Số 251 ngày 2/7/1933

CHỐNG LẠI NHỮNG TIẾNG ĐỘNG

Để noi gương những thành phố lớn ở Âu châu, ở đây người ta đã bắt đầu lưu ý đến những biện pháp để áp dụng, nếu không để loại bỏ hẳn những tiếng động thì ít ra cũng làm giảm nó xuống; nếu không làm câm bặt hẳn những tiếng động, thì ít ra cũng loại bỏ những tiếng khó chịu, để làm cho cuộc sống ở những thành thị đông người đỡ khó nhọc cho những người bị thần kinh.

Vì rằng những tiếng động là những dấu hiệu của sự hoạt động và những thành phố là những trung tâm của hoạt động. Bằng những công việc kỹ thuật thông minh, người ta đã phân tích được những tiếng động khó chịu và quy định được gần đúng những phản ứng thần kinh của người bình thường đối với các loại tiếng động khác nhau, tùy theo độ âm vang và cường độ của tiếng động, nhưng điều mà chúng ta nhận thấy theo kinh nghiệm, là ở chỗ những tiếng động tự làm cho người ta nghe thấy riêng biệt ra là những tiếng động ngoại lệ. Tiếng động tác động một cách khác nhau lên hệ thần kinh của chúng ta, không phải chỉ theo tính chất, cường độ và độ âm vang của nó, mà còn theo khoảng cách của tiếng động và những mối quan hệ nhịp nhàng mà nó có, một mặt là với những tiếng động lan ra trước nó và lan ra theo sau nó, một mặt khác với những tiếng động bất thành linh do những nguồn khác đem đến và trong tư tưởng chúng ta đã tách riêng nó ra được và nó trong thực tế đã hoà hợp vào với các tiếng động khác để tạo

thành cùng nhau một hoà âm dễ chịu hay khó chịu tùy theo trạng thái của người nghe, tùy theo tâm trạng thanh thoi hay căng thẳng của chúng ta, cố ý hay không cố ý để nghe những tiếng động.

Trong thực tế, nhìn chung những tiếng động tạo ra cho người ta nghe thấy được ở những nơi có đông người đã tạo thành một âm nhạc liên tục, đặc trưng cho mỗi một khu phố, theo cách sinh sống của dân cư, theo những phương tiện để đi lại, theo những công cụ lao động và vận chuyển mà người ta thường dùng, theo tình trạng của khí quyển bao quanh và theo khả năng hấp thụ hay phản âm của mặt đất, những tường xây, những nhà ở và cây cối và nói chung lại là của tất cả những cản trở cho sự lan truyền của tiếng động.

Tất cả quy định dựa trên định nghĩa khoa học của những tiếng động nhìn riêng biệt ra đối với tôi có phần nào chưa hợp lý. Một mặt khác, các dân tộc đều ít hay nhiều đã gây ra tiếng động, tùy theo tính chất của họ, việc làm của họ, những thói quen mà họ nói, độ cao trung bình của giọng nói của họ, mức độ tế nhị của họ. Tiếng ồn ào của những giọng nói của một đám đông người một vài khi lại thể hiện ra tất cả một nền văn minh, và người ta sẽ không thể nào chống lại được những tiếng kêu, những tiếng gọi, những tiếng hát, những tiếng thì thầm nói chuyện, những đám cãi nhau to hay nhỏ trong đám đông. Sự bất cần của quần chúng về những tiếng động là đặc trưng của tất cả những thành phố, và là một việc bình thường nên những giai cấp được ưu đãi làm nhà ở của họ tại những khu phố xa những trung tâm đông dân chúng. Nhưng vì sự phát triển của những thành phố đã làm cho dân cư tăng lên, họ lấn chiếm đất đai, công bằng ra mà nói những khu phố của những người

được ưu đãi mà ở đó có sự yên tĩnh, phải lùi ra bên ngoài, từ từ quần chúng xâm lấn, và người ta thấy người được ưu tiên đã phải từ bỏ sự ưa thích ở tách rời khỏi đám đông, đám đông sẽ đem theo tiếng động đến những nơi nào mà họ hoạt động. Điều này đã nói lên việc cấm những người bán hàng rong không được đi qua một số những khu phố của người Âu. Những người bán hàng này chỉ đi đến nơi nào họ tìm thấy người mua hàng và chỉ rao hàng khi nào họ biết là ở đấy có người mua hàng nghe thấy tiếng họ rao.

Những cái bếp di động này phục vụ một số rất đông những người ở của những nhà người Âu, những người này không thể nào làm việc cả ngày, nếu không có sự dễ dàng để có thể mua được, vào một giờ nhất định, những bát cháo bát phở, tấm bánh để bồi dưỡng giữa giờ làm việc.

Ngược lại có những tiếng động hoàn toàn vô lý, mà chúng tôi rất bằng lòng được thấy bị cấm. Đó là những quảng cáo âm y cho những cuộc vui, được thực hiện bằng đánh trống, đánh chiêng, đánh trống chèo, một vài khi còn được làm bằng cả một dàn nhạc âm y, đi qua thành phố trên những xe ô tô hay xe bò.

Cách quảng cáo này đã được chấp thuận và được công nhận là có hiệu quả, một ngày kia tất cả những nghề nghiệp sẽ áp dụng cách này, và những người lao động bất cứ lúc nào cũng sẽ bị quấy rối vì sự âm y của một thành phố tâu vào hội, ở bên cạnh những điều đó tất cả những tiếng rít của tàu điện, và tiếng còi inh ỏi của xe ô tô, thật là những tiếng không thể chịu nổi.

Tôi ưa thích được ở bên những người đánh búa giát vàng hay những người bật bông, hơn là có hàng xóm ở góc phố của

minh vừa mua được một máy hát hay một máy TSF (vô tuyến), mặc dù là tôi rất ưa thích ca nhạc và vô tuyến..

Có người nói với chúng tôi là dàn nhạc bá âm được trả tiền rất đắt của một nhà nhảy đầm đông khách nhất của thành phố đã trở thành một tai họa cho anh viên chức hiền lành ở ngay cách đấy 20 bước.

Vì vậy, người ta phải thấy được quy định cấm những tiếng động là một việc rất khó khăn.

Người ta phải cấm bỏ những tiếng rít, và tất cả những tiếng động inh tai vô ích có thể tránh được. Nhưng chúng ta phải cân nhắc kỹ lợi và hại khi muốn huỷ bỏ những tiếng động cần thiết để làm sống mọi người.

Nguyễn Văn Vĩnh
Báo L'Annam Nouveau
 Số 251 ngày 2/7/1933



ĐÁM TANG ÔNG VĨNH 3-5-1936 - ĐOÀN CÁC NHÀ BÁO

NHỮNG BẤT BÌNH GIỮA NHỮNG NGƯỜI AN NAM TRONG KINH TẾ KHỦNG HOẢNG

Ngoài cái chính sách thu hồi lại những vốn liếng bằng bất cứ giá nào, và theo những điều kiện hối đoái tốt nhất, mà chúng tôi chê trách những nhà tài chính Âu châu đã đầu tư tiền bạc của họ vào đất nước này, chúng tôi sẵn sàng công nhận là họ vẫn giữ được không vì cá nhân trong việc áp dụng chính sách này, suy ngẫm lại cho cùng họ vẫn còn là nhân đạo.

Những người buôn bán tiền bạc An Nam lại không phải như vậy, trong thời buổi làm ăn thịnh vượng, họ đã kinh doanh với những vốn liếng chỉ có hạn, vào những công việc mà họ biết là chỉ có lợi và chắc chắn. Kinh tế khủng hoảng đến bất ngờ, họ đã trông thấy những đồng bạc của mình bị đọng lại ở chỗ những người vay nợ, bất thình lình trở nên bất lực không còn bảo đảm trả được nợ đúng thời hạn. Bản thân họ không còn tinh thần để chấp nhận kéo dài thời hạn, đành phải chịu đĩnh chỉ hay giảm bớt hoạt động kinh doanh xuống thấp nhất, cộng thêm vào đó là những lo lắng quá mức về số phận của vốn liếng của mình. Những người giàu có này gặp hoàn cảnh đó thường tỏ ra có sự bất bình vượt quá về tất cả những giới hạn để tìm cách thu hồi lại bằng bất cứ giá nào những số tiền họ đã đầu tư.

Nhưng những người độc ác nhất, không phải là chính bản thân những người chủ nợ, những người đã kiếm ra đồng tiền bằng mồ hôi của mình, và vì vậy đã đánh giá được đúng hơn những khó khăn mà những người đi vay đã gặp trong lúc này, bản thân họ cũng đã có lúc phải chịu. Nhưng lại là những người thừa kế, tự dung được hưởng quyền làm chủ nợ, họ đã tỏ ra độc ác hơn nhiều, khi thấy tiền bạc của họ cho vay chẳng đem lại cho họ gì cả.

Một trong những nhà công nghiệp kinh doanh có hiệu quả nhất, ông đã gắng sức thường xuyên trong 40 năm liền, đã đạt tới xây dựng một nhà máy lớn sản xuất đồ mộc mà người An Nam đều có thể tự hào, vừa rồi đã phải bắt buộc tuyên bố phá sản, chỉ vì khốn khổ thay bị mắc nợ 10.000\$, trong lúc ông ta còn có, giải ra dưới ánh mặt trời trên 300.000\$ nhà cửa, xưởng máy, đất đai và máy móc vật tư, tất cả đều mất. Đúng như vậy, ngay từ buổi đầu kê khai bất động sản để bù nợ cho 10.000\$. Tài sản của xí nghiệp đẹp đẽ này lên tới 70.000\$, như chúng ta vừa nói, chỉ để thế chấp vay 10.000\$. Những chủ nợ khác vì người vay không có thể chấp đành phải kiên trì chờ đợi thời thịnh vượng trở lại, chỉ có những người thừa kế của một người độc nhất trong số những chủ nợ đã cùng nhau đòi trả nợ ngay lập tức 10.000\$ tiền cho vay do người cha của họ mới chết đã để lại.

Nhà làm công nghiệp của chúng ta đã hết sức chắc chắn là tự giải quyết được công việc hay đạt được một sự điều đình. cho nên ông ta đã không để ý đến những thủ tục nộp bản tổng kết tài sản trong 15 ngày sau khi ký văn tự nợ. Thủ tục đã cho phép ông yêu cầu thanh toán theo pháp luật. Và tuyên bố phá sản sẽ trở thành không thể tránh được.

Chúng tôi tự hỏi nếu trong trường hợp đại loại như trên, những toà án thương mại có nên sử dụng tất cả những dễ dãi mà luật lệ đã đề ra để áp dụng tuyên bố phá sản không theo luật lệ, mà những hậu quả trước tiên là bị sự phá sản hoàn toàn của một người lao động tốt không phạm phải một sai lầm nào khác là sai lầm đã không dự trù được trước kinh tế khủng hoảng, để về sau bị đem ra bán đấu giá làm phân tán đi mọi nơi tất cả đồng bộ máy móc công cụ rất đắt tiền mà sau này khi kinh tế trở lại bình thường sẽ có một giá trị rất lớn, bị phân tán sẽ trở thành hoàn toàn bỏ đi. Như vậy chỉ có những người chủ nợ đòi được tiền nhưng còn những người vay tiền khốn khổ đã phải trả giá không biết gấp bao nhiêu lần.

Chúng tôi được biết, việc xét xử đã làm xong, người ta sẽ vẫn còn có thể làm cho bên các chủ nợ nghe lẽ phải, và còn sẽ có thể đặt được một quy ước danh dự. Nhưng luật lệ thương mại mặc dù đã được làm ra với mục đích để gìn giữ tất cả những quyền lợi, một tuyên bố phá sản hay cả việc bán đấu giá tại toà án vẫn là một tai họa cho rất nhiều xí nghiệp. Chính việc thu xếp ổn thoả không mất phí, không phải có chánh án và không phải ra toà là cách duy nhất có thể cứu được việc kinh doanh bị phá sản và đỡ phải chịu chi phí vô ích.

Những trường hợp như vậy ở Bắc kỳ còn là cá biệt, người ta nói rằng ở Nam kỳ nó là phổ biến và rất nhiều, và không có ai làm gì để cứu giúp những người lao động chân thật khỏi cảnh nghèo khổ và sự tủ nhục không đáng phải chịu.

Tiếng kêu cứu của chúng tôi như vậy chỉ có vang lên trên sa mạc. Chúng tôi mong rằng ít nhất nó cũng sẽ được những người có lương tâm nghe thấy và dư luận sẽ phản ứng chống lại sự tàn ác của một số những chủ nợ đã vội vàng quá để thu

hồi lại tiền bạc của mình, vào lúc họ cũng chẳng biết làm gì được tốt hơn với tiền bạc đó.

Người ta đã chỉ ra cho chúng tôi là nguy cơ phải ra hạn trả nợ sẽ trở nên phổ biến ngay cả trong thực tế, nhưng chúng tôi vẫn tin vào sự sáng suốt của các toà án trong một vài trường hợp đặc biệt, có thể có một lòng vị tha vượt quá những giới hạn của luật lệ, sẽ được tất cả mọi người hoan nghênh, ngay cả của những người cho vay, họ thấy được quyền lợi của họ về của tiền vốn trong lúc khó khăn như thế này.

Kinh tế khủng hoảng hiện nay có làm cho người ta thấy ra những cản trở hiển nhiên của luật lệ. Nó đã thiên quá mức về bảo vệ những quyền lợi của người chủ nợ, phá hoại sự nhịp nhàng cần phải có để tạo ra sự hợp tác giữa sức lao động và tiền vốn, giữa xí nghiệp và những người có vốn.

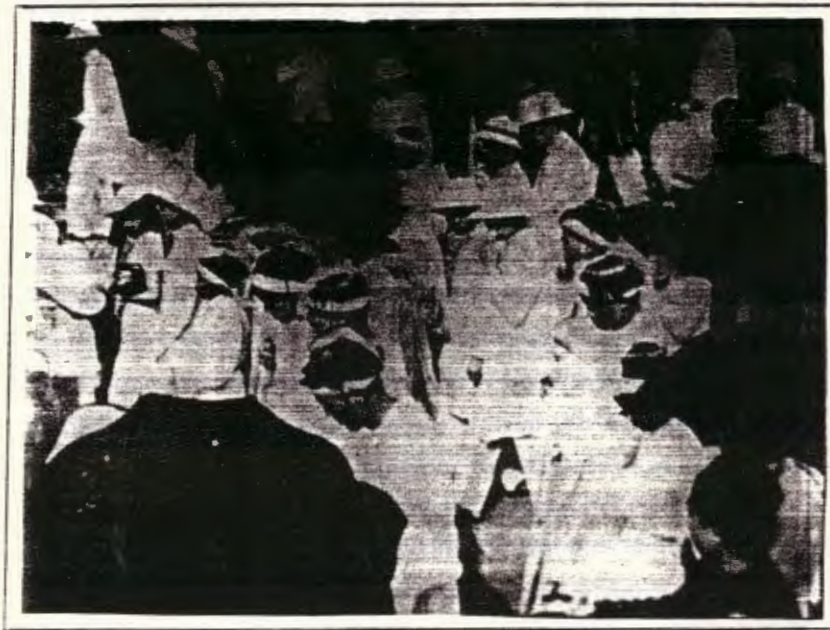
Tất nhiên là người có tiền cho vay bao giờ cũng có thể nêu lên lý do chính đáng vì họ cũng là người vay nợ và việc thực hiện những cam kết của bản thân họ lại phụ thuộc vào những cam kết của những người chủ nợ đối với họ. Nhưng đây là những trường hợp hiển nhiên, trong đó tình hình của người chủ nợ không bị đe dọa bằng một cách nào vì sự thiếu hụt tiền tệ của những người vay tiền. Trong nước chúng ta có cả một bầy những người cho vay tiền và cho vay lãi nặng mà những hoạt động của họ chỉ làm chuyên về một hướng. Kế toán sổ sách không có bên nợ mà chỉ có một bên có sổ sách của họ chỉ còn có một quyển sổ cái những người vay nợ, nếu sổ được giữ tốt, thì nhiều khi người ta thấy là những khách hàng đã trả tiền lãi lớn gấp đôi hay gấp ba lần tiền vốn.

Chính những chủ nợ này bao giờ họ cũng vội vã để thu hồi đồng tiền của họ về, và dẫn tới đây nhanh sự phá sản của

những người đi vay tiền của họ chỉ vì một lẽ họ không còn điều gì phải lo, chỉ còn có thu lợi nhuận tối đa.

Phải chống lại những con bạch tuộc này mà chúng ta mong sao được thấy những toà án đứng về phía bênh vực những người lao động thật thà, là những nạn nhân của cuộc khủng hoảng hiện nay.

Nguyễn Văn Vĩnh
Báo L'Annam Nouveau
Số 260 ngày 3/8/1933



CÁI RẾT

Tôi trở lại với một ý kiến đã được đăng trên tờ báo này và nêu ý kiến đó đã may mắn được nhiều người tán thành, cũng chưa gọi được cho con người nào đem ra thực hành. trong lúc phong trào làm các công việc từ thiện đang được hoan nghênh. Đúng vậy việc thực hành những ý kiến mới trông tưởng như đơn giản nhất đã vấp phải rất nhiều khó khăn chính chỉ vì sự mới mẻ của nó.

Nó là vấn đề cung cấp cho những đồng bào nghèo khổ của chúng ta những quần áo ấm để che thân trong một vài ngày đại hàn mà trong âm lịch An Nam có ghi, ít ra trên xứ Bắc kỳ sung sướng của chúng ta đang gặp trong lúc bây giờ, nhiệt độ xuống tới 7 đến 8. Tất nhiên không phải rét như ở Bắc cực, và cũng chẳng phải như ở miền Nam nước Pháp, nhưng tôi biết cũng có nhiều người Âu châu rét run lên, và họ ưa thích cái rét tuyết phủ trên núi "Mont Blanc" hơn là cái rét ẩm và thấm thía ở Bắc kỳ. Rét tuyết phủ trên núi "Mont Blanc" người ta vui lòng tập thể thao trượt tuyết ở giữa gò, chỉ cần mặc quần áo ấm đan bằng len, dưới thời tiết lạnh như vậy, ở nước ta, chúng ta không thể nào chui ra khỏi chăn bông được.

Chúng ta đã nói là người An Nam nói chung không có quần áo mùa rét, vì rằng mùa đông ở nước chúng ta rất ngắn. không kéo dài quá năm mươi ngày trong một năm. lại còn ở

giữa mùa đông có những ngày nắng ấm có khi rất nóng. Chỉ có những người giàu mới có điều kiện sang trọng để có một cái áo bông, và những quần áo lót bằng len chế tạo ở bên Âu châu, hay là những áo khoác ngoài nặng nề gọi là "Par de ssus" may bằng dạ. Tất cả những thứ sang trọng đó đều giá rất đắt, những người bình thường không có tiền mua, trước tiên là vì nó không được dùng thường xuyên, sau nữa là vì nó rất khó bảo quản dưới thời tiết của chúng ta, và đòi hỏi phải giữ gìn chăm sóc đặc biệt. Sự trái ngược giữa thời gian hữu ích và thời gian không phải dùng đến, trên lệch nhau tới mức chỉ cần nhìn thấy một cái áo bông hay một cái áo khoác ngoài to sù, làm cho chúng ta ghê sợ như phải ở cạnh một lò lửa, chỉ cách nhau có một vài ngày từ lúc chúng ta phải khoác trên vai lạnh giá chiếc áo bông ấm tình. Không cần phải tìm đâu xa xôi để so sánh, nhất định chúng ta chưa quen điều đã xảy ra một hôm chủ nhật, vào buổi sáng lạnh giá, chúng ta đã đi du lịch hay đi dạo chơi mặc một bộ quần áo dạ ấm áp. Đến 10 giờ, mặt trời đỏ hồng xuất hiện và làm tươi vui cảnh nông thôn, từ từ sưởi ấm mọi nơi, cho tới mức làm biến đổi sự sáng khoái của buổi sáng trở thành một tội và lúc bấy giờ, thật may mắn nếu chúng ta có một cái xe để cởi bỏ từ từ những quần áo ấm, đến nay đã trở thành một tội và.

Từ đó người ta mới hiểu được tại sao những người nghèo khổ không lo mua quần áo rét, trị giá bằng cả một gia tài của họ, không mất tiền để mua những thứ rất ít khi dùng đến và luôn luôn trở thành công kênh. Khốn nỗi thay những lúc hiếm hoi đó vẫn cứ có, nhiều khi phải chịu đựng khá lâu dài.

Vì vậy mà, đây này họ đang rét run với những quần áo mỏng dùng làm cái mặc hàng ngày, họ chống chọi với một kẻ

thù, theo họ nó chẳng tấn công họ được lâu dài. Nhiều khi chỉ cần mười lăm phút đã đủ để anh ta bị một cơn cảm lạnh nặng, vật anh ngã xuống đất và không bao giờ dậy nữa, hay là chỉ bị nhiễm lạnh nhẹ cũng dẫn tới mắc bệnh lao hay viêm phế quản mãn tính.

Chỉ lấy tóc để làm mũ, rất ít khi chít khăn bó lấy chung quanh đầu, để lại cả đỉnh đầu hở lên trời: chân không đi giày, nên những vũng nước bắn làm chân ẩm ướt và **ăn chân**; Thân mình chỉ mặc một áo sơ-mi mỏng xẻ hai bên sườn để hở cả sườn; bên dưới mặc một cái quần mỏng chỉ dùng làm cái **khố** che thân, khi nào không phải là một giải thất lưng được **quấn** vào hai bên đùi và quấn lên quanh thân mình. người nông dân và người cu-li đi làm ruộng hay kéo xe trên đường, dưới **thời tiết** lạnh giá như chúng ta đã biết, liên tục đã gần một tháng nay, sự cố sức đòi hỏi phải có nhiệt lượng mà những ca-lo do thức ăn cung cấp không thay thế được, rất tự hào được che thân trong mớ rẻ rách bẩn thỉu của người ăn mày, sung sướng khi đã dành dụm để có thể mua được một phu-la quần cổ hay một giải thất lưng.

May thay mưa phùn gió bắc dưới thời của chúng ta; mỗi năm một giảm đi. Đây là một hiện tượng mà chúng tôi nhận thấy **chưa kiểm tra lại** theo những số liệu thống kê và những sơ đồ hàng năm của sở dự báo thời tiết, và mùa đông của chúng ta ngày một gần giống như thời tiết mùa thu của những vùng ôn đới. Nhưng cái rét tương đối khô hơn lại cắn da thịt không thấm vào tới sương, nhưng trái lại nó kèm phần trong lành, và khuyến khích phát triển một số bệnh tật trước đây không thấy có, có lẽ là vì người ta không ghi chép. ví dụ như bệnh cúm, bệnh cảm hàn, và tất cả các thứ bệnh viêm đường hô hấp.

những bệnh này nếu không chữa chạy cẩn thận, cũng làm cho những người khoẻ nhất mắc chứng bệnh phổi, đau ngực.

Những người giàu có, và những người khá giả, bản thân họ cũng ăn mặc không đủ vào mùa đông, ở trong nước chúng ta cái rét chỉ qua loa thôi. Những người ăn diện, vì sợ thân hình to béo quá cũng không chịu mặc áo bông, hay áo nhồi bông, những áo này rẻ tiền, nhưng vẫn giữ được ấm ngực và hai vai; Những cô thiếu nữ mảnh dẻ, các cô phải dùng đến những quần áo lót bằng len, đắt quá đối với những người ít tiền - Và cũng giống như ở tất cả các nước, những người bình thường có thói quen bắt chước những người lớn, những người giàu và người ở của chúng ta cũng muốn làm ra vẻ có những quần áo lót và các cô đã rét run lên nhưng vẫn cố giữ cho không ai biết, dưới những mảnh áo kếp mỏng dính, bó lấy thân mình.

Chúng tôi không kéo dài nữa, để phô ra tất cả mặt trái của cái xã hội nhỏ bé đáng thương của chúng ta, như vậy là vẫn còn có những người bị rét vẫn có những người sẽ sung sướng được có bất cứ cái gì để đắp vào thân, từ những chiếc áo tây cũ mà người ta tìm thấy đủ loại ở những người bán quần áo cũ, cho đến những bao tải, thảm rách mà những người giàu đã thải đi. Những người khác lại cần tới những quần áo mặc ngoài và mặc lót vẫn giữ được ấm không làm hại đến đường nét mà người ta muốn giữ được mỏng mai và yếu điệu. Họ không cần vì không thể hay vì không muốn phải trả tiền để không cạn ngân sách cá nhân không được rộng rãi.

Tại sao người ta không nghĩ tới lập ra một vài tổ chức từ thiện và kín đáo phát không hay bán giá rẻ những phương tiện để bảo đảm những tác hại của cái rét.

Những ý kiến phản đối tất cả đều dựa vào thực tế mà

người ta đã nêu lên. giống như những người có điều kiện vừa phải đã thực hiện cho bản thân mình khi họ ngần ngại giữa bỏ tiền ra mua quần áo rét với bất cứ món tiền còn phải chi tiêu bất ngờ nào khác.

Những quần áo ấm này chỉ dùng trong hai tháng trong một năm và nó đòi hỏi phải được bảo quản cẩn thận chống ẩm ướt, hư hỏng, mối mọt, bụi bặm, phai màu và biết bao nhiêu nguyên nhân gây ra bị huỷ hoại nhanh chóng.

Chính đây là nguyên nhân làm cho trách nhiệm này phải là của tập thể. Vì rằng chỉ có những người giàu là những người độc nhất có thể có tiền để chi cho sự sang trọng, hay sự gần như sang trọng này, mà không thấy là quá mức.

Tuy nhiên chúng ta cần có một tổ chức cho mượn quần áo ấm, đòi hỏi phải có một sự bảo quản đặc biệt gồm có làm sạch và sửa lại như mới và tất cả một loạt những mức độ áp dụng và điều kiện thích hợp cho từng tầng lớp rất đông đảo những con người thiếu thốn không thể nào có tiền để có một tủ giữ quần áo đồng bộ, ở một xứ thời tiết thay đổi từ nhiệt đới gần xích đạo đến ngay cạnh với băng giá và tuyết rơi.

Tôi viết lại đề nghị này không trong hy vọng nó sẽ đến với một vài trái tim nhân đạo có điều kiện để thực hiện nó. Một thử nghiệm đầu tiên kiểu hội từ thiện này sẽ được hoan nghênh ngay từ lần đầu, bởi tất cả những người nghèo khổ với đầy lòng biết ơn, và tôi đánh cược rằng lập hội này sẽ tốn ít tiền hơn so với xây một ngôi chùa bằng bê tông cốt thép hay xây một ngôi mộ để đợi chết, được trang trí toàn bằng đá hoa. Việc này sẽ được hoàn chỉnh thêm một cách hài hoà với những nhà nghỉ đêm, những nhà giữ trẻ, nhà từ thiện làm tang người chết không còn biết rét và biết đói nữa.

Ý kiến của tôi trở lại với tôi trong khi bản thân tôi đang rét run dưới tấm áo khoác dày, làm cho tôi khó chịu để có thể viết được về những việc khác thời sự hơn.

Nguyễn Văn Vĩnh
Báo L'Annam Nouveau
 Số 310 ngày 25/1/1934



ĐÁM TANG ÔNG NGUYỄN VĂN VĨNH 8-5-1936

TIỀN BẠC

Xin đọc giả đừng tưởng là tôi viết về vấn đề tiền bạc. một vấn đề mà đồng bào của chúng ta thường không ai bận tâm đến, mặc dù là kinh tế khủng hoảng đã có ảnh hưởng rất đau đớn tới một vài người trong chúng ta.

Chúng ta là một dân tộc rất sung sướng vì chúng ta vẫn còn ở trong tình trạng mơ hồ chung chung, trong lúc những vấn đề về đời sống đang rất cần phải được quan niệm trong một trạng thái cụ thể hơn; có nghĩa là chúng ta còn rất khốn khổ để không biết được những công việc mà sự hiểu biết là sống còn cho tất cả các dân tộc có lòng mong muốn vươn lên để được đứng trong hàng ngũ những tập thể hùng cường hoặc ít nhất cũng là độc lập. Dưới con mắt của thế giới văn minh chúng ta là những người vô ý thức, vẫn nhớn như cười hoặc nhún vai trước những tình hình tỏ ra bi thảm đối với cả những người ít hiểu biết nhất về đời sống hiện đại.

Không, tôi sẽ nói chuyện với đọc giả như một nhà triết học về óc sáng tạo tuyệt vời của tài năng loài người, xứng đáng được ca ngợi bao nhiêu thì cũng đáng bị nguyên rủa bấy nhiêu.

Tiền bạc, một ký hiệu tượng trưng của những giá trị, một phương tiện để tích lũy những của cải đã làm ra được. cho phép những con người trao đổi với nhau thành quả của sức lao động của mình và những suy ngẫm của mình, đã trở thành một thế lực ghê gớm nằm trong những bàn tay của những con người

đã chiếm hữu được nó, những con người này được lựa chọn chỉ có bằng may rủi, nó là thiện khi nào nó làm cho mọi người lao động và sản xuất; nó là ác đến mức cao độ khi nào nó đẩy tới ích kỷ, tới keo kiệt, tới độc ác, tới dữ tợn, tới giết người, những người tin rằng phải tranh giành với người khác, bằng lừa đảo, bằng tính toán, bằng dấu kiếm sảo trá, bằng tất cả những phương tiện và nhất là khi nào có khả năng dễ dàng hơn để chiếm đoạt với một số lượng lớn bằng những mảnh khỏe hơn là bằng sức lao động chân tay hoặc trí óc một cách chính đáng và để đem lại cho một cách đơn giản cho những người có nhu cầu.

Thường nó ác hại nhiều hơn là từ thiện vì rằng giữa hai người lao động cùng có một cấp bậc giống nhau và cùng có một tiền lương như nhau, của cải chỉ bấp đảm đến với người nào biết tính toán tốt dựa trên những dấu hiệu, dựa vào đó người ta trả tiền công cho sức lao động của mình, người nào coi thường cái công việc thứ yếu này chỉ cố gắng làm công việc lao động chính làm cho họ say mê về sự hữu ích của nó, lại bị đe dọa rơi vào cảnh nghèo khổ trước tiên, ngay khi có một nguyên nhân không may xảy ra, buộc họ phải ngừng việc, phải tạm nghỉ, hoặc là phải giảm bớt cường độ lao động, hoặc hạ thấp năng suất lao động. Vì một lẽ nào đó, nhiều người đã kiếm ra được những món tiền kèch xù, chỉ có bằng hoạt động điều khiển đồng tiền, và không cần phải làm những công việc trực tiếp sản xuất, trong lúc đó người lao động làm việc trực tiếp hữu ích, nhiều khi phải từ bỏ vai trò làm công nhân, làm người thợ thủ công, làm người đi làm thuê, để trở thành vật chất cho người ta bóc lột của những người bắt họ làm việc để lấy tiền công.

Nhà tài chính vì vậy vẫn tự hào cho mình là người liên kết, là người tổ chức không thể thiếu được, không có họ người lao động chân chính sẽ không sản xuất được, sẽ làm ra những sản phẩm không đúng yêu cầu và sẽ bị đe dọa không tìm ra được cách sử dụng thành quả của sức lao động của mình, và vì vậy tự thấy buộc phải thôi hẳn hoặc tạm ngừng hoạt động để tránh thừa ứ sản phẩm không dùng đến.

Nhà tài chính như vậy có một vai trò hữu ích đã được xác nhận, nhưng khổ khổ thay họ chỉ liên kết và chỉ tổ chức với mục đích để dành lợi nhuận cho cá nhân, họ không nghĩ gì đến nền kinh tế nói chung và đến sự tiêu thụ của loài người. Mù quáng bởi những quyền lợi trực tiếp mà đồng tiền đã mang lại, trở thành mục đích cuối cùng của họ, đối với những người đã chiếm hữu được, những người này tổ chức thành giai cấp chỉ đạo và dẫn dắt thế giới theo những nguyên lý bóc lột những của cải của trái đất chỉ đem lại quyền lợi cho riêng những người biết tính toán, tích lũy, đầu cơ dựa trên cơ sở những ký hiệu của tiền tệ. Chính đây là một ưu đãi mới rất công, và còn bất công hơn cả sự ra đời, và nhất định là ít thiết thân hơn so với ưu đãi đối với trí thức và lao động.

Những tác hại đó của tiền bạc, những người khác có đủ tư cách hơn chúng tôi, đã tố cáo nó và họ đã tích cực hô hào cách mạng xã hội, có nghĩa là chiến tranh của những người lao động chân tay và lao động trí óc chống lại những người đã bóc lột họ chỉ có để kiếm ra được nhiều tiền.

Chúng tôi nghĩ rằng những người lao động chân tay mà lý tưởng của hạnh phúc chỉ có là thường xuyên có việc làm và có những phương tiện để kiếm sống cho mình và cho cả gia đình mình, không thể nào không biết cách tự tổ chức lại để đấu

tranh tập thể và xây dựng thành giai cấp lãnh đạo để hạ bệ những người đã chiếm được tiền bạc. Thế giới phải do những người thông minh hơn chỉ huy, họ sẽ lo thật sự để làm cho tất cả mọi người đều được làm việc và đều được sống, mỗi người theo với sự đóng góp xứng đáng của mình. Tiền bạc phải là một công cụ đơn giản nằm trong tay của những người lao động và chỉ có một mình họ có khả năng giữ gìn làm cho nó không bao giờ đi chệch hướng đóng vai trò chí thiện trong hoạt động của loài người.

Còn đến bao giờ mới có tiếng hô tập hợp lại :

Trí thức của tất cả các nước chúng ta hãy đoàn kết lại.

Nguyễn Văn Vĩnh
Báo L'Annam Nouveau
Số 463 ngày 21/4/1935



ĐÁM TANG ÔNG NGUYỄN VĂN VĨNH - QUÂN TẠI TRỤ SỞ
 HỘI TAM ĐIỂM - HÀ NỘI 5-1936

MỤC LỤC

	AN số	Ngày	Trang
1. Thức ăn thịt của người An Nam	34	28/5/31	3
2. Suy nghĩ về cái nhà	35	31/5/31	8
3. Những vấn đề đời sống vật chất của người An Nam	133	8/5/32	15
4. Cửa cải của người An Nam	134	11/5/32	
	136	18/5/32	25
5. Ăn đói và mặc rét	204	12/1/33	34
6. Giấy dếp	206	9/1/33	38
7. Kẻ trộm và kẻ cướp	207	22/1/33	43
8. Sự cùng khổ của việc di dân	214	23/2/33	47
9. Vấn đề nước sạch ở các làng quê của chúng ta	251	2/7/33	52
10. Chống lại những tiếng động	251	2/7/33	56
11. Những bất bình giữa những người An Nam trong kinh tế khủng hoảng	260	3/8/33	60
12. Cái rét	310	25/1/34	65
13. Tiền bạc	463	21/7/35	71



Người dịch :

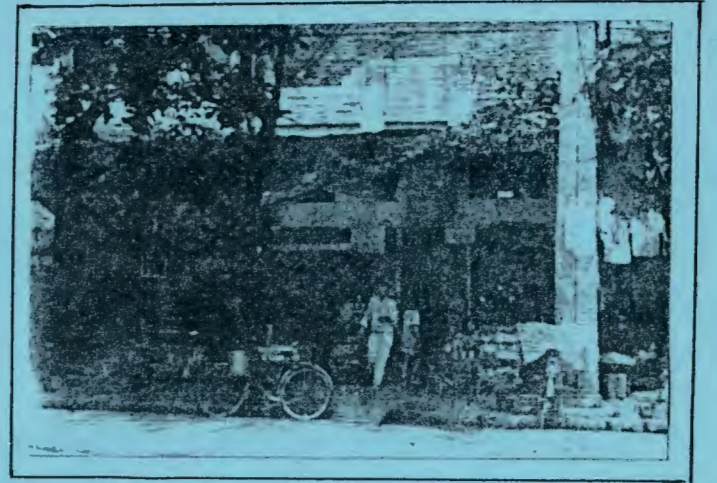
NGUYỄN KỶ

Lên trang và sửa bản in :

NGUYỄN THUẦN MỸ

Trình bày :

NGUYỄN NGỌC ĐỊNH



NHÀ 46 PHỐ HÀNG GIẤY HÀ NỘI, NƠI SINH ÔNG NG. V. VINH



NHÀ 34 PHỐ HÀNG MÃ MÂY HÀ NỘI, NHÀ Ở CỦA GIA ĐÌNH Ô. NG. V. VINH 1907-1921